



**25 NĂM
ĐỒNG TÂM - VỮNG TIỀN**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN • 2016



NỘI DUNG

- 04** Giới thiệu chung về Maritime Bank
- 06** Những cột mốc phát triển Maritime Bank

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

- 10** Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 12** Thông điệp từ Tổng Giám đốc Maritime Bank
- 14** Tổng quan hoạt động năm 2016
- 16** Dịch vụ tài chính ngân hàng dành cho khách hàng cá nhân
- 18** Dịch vụ tài chính ngân hàng dành cho khách hàng doanh nghiệp
- 20** Dịch vụ tài chính ngân hàng dành cho khách hàng định chế tài chính

CON NGƯỜI & CỘNG ĐỒNG

- 24** Phát triển nguồn nhân lực cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững
- 26** Giải thưởng & danh hiệu
- 28** Cùng cộng đồng phát triển bền vững

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 32** Mô hình quản trị ngân hàng
- 34** Giới thiệu ban lãnh đạo
- 42** Quản lý rủi ro vững chắc - Hướng tới phát triển mạnh mẽ và bền vững

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 48** Báo cáo của Ban Điều hành
- 49** Báo cáo kiểm toán độc lập
- 51** Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 54** Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 55** Báo cáo chuyển lưu tiền tệ hợp nhất
- 57** Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
- 98** Thông tin cổ đông lớn

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MARITIME BANK

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) được thành lập vào ngày 12/07/1991 tại thành phố cảng Hải Phòng. Năm 2005, Ngân hàng chính thức chuyển Hội sở lên Hà Nội, mở đầu một giai đoạn phát triển mới với phạm vi hoạt động quy mô hơn. Năm 2016 – đánh dấu chặng đường 25 năm phát triển và nỗ lực không ngừng, Maritime Bank đã đạt được những bước tiến vững chắc và trở thành thương hiệu Ngân hàng uy tín tại Việt Nam.

Là ngân hàng TMCP tư nhân đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, Maritime Bank ra đời trong thời điểm mô hình này còn khá mới mẻ với những tranh luận về tính phù hợp của mô hình vẫn chưa được ngã ngũ. Tuy nhiên với tinh thần tiên phong, mạnh dạn đầu tư cùng tư duy sáng tạo của những nhà sáng lập và sự chung tay đồng lòng của tập thể CBNV, Maritime Bank đã chứng minh được tiềm năng to lớn của mô hình Ngân hàng TMCP và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

Không ngừng mở rộng quy mô: Xuất phát từ một ngân hàng tư nhân non trẻ cùng 24 cổ đông, vốn điều lệ 40 tỷ đồng và một vài chi nhánh tại các tỉnh thành lớn như: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, Tp. Hồ Chí Minh, đến nay, Maritime Bank không ngừng lớn mạnh cả về quy mô và tiềm lực tài chính: Vốn điều lệ đạt 11.750 tỷ đồng – tăng 294 lần so với khởi điểm; mạng lưới hoạt động rộng khắp gần 300 chi nhánh, phòng giao dịch và gần 500 ATM trên toàn quốc; nhận được sự tin tưởng sử dụng của trên 1,5 triệu khách hàng cá nhân, gần 35.000 khách hàng doanh nghiệp, gần 2.000 doanh nghiệp lớn và định chế tài chính.

Mạnh dạn đầu tư nền tảng công nghệ: Ngay sau khi thành lập, Maritime Bank đã ghi dấu ấn lớn trong ngành ngân hàng Việt Nam khi tiên phong ứng dụng hệ thống công nghệ hiện đại: là Ngân hàng thương mại đầu tiên xin được giấy phép thanh toán quốc tế; Xây dựng Core Banking dùng dữ liệu tập trung đầu tiên tại Việt Nam và được nhân bản sử dụng tại hầu hết các ngân hàng trong thời gian dài; Ngân hàng đầu tiên ứng dụng mạng máy tính LAN và WAN rút ngắn thời gian chuyển tiền từ hàng tuần xuống còn vài phút. Không dừng lại ở đó, suốt 1/4 thế kỷ hình thành và phát triển, Ngân hàng đã không ngừng đầu tư nâng cấp hệ thống nền tảng công nghệ để cập nhật kịp thời các chuẩn mực mới của một ngân hàng hiện đại nhằm phục vụ tốt hơn cho khách hàng.

Nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ: Hướng đến mục tiêu mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng và đối tác khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng, ngoài việc liên tục nâng cao nền tảng công nghệ, Maritime Bank thường xuyên đưa ra các sản phẩm chương trình mới nhằm gia tăng lợi ích cộng thêm. Đối với khách hàng cá nhân, Maritime Bank là ngân hàng của gia đình, là nơi không chỉ cung cấp lợi ích cho khách hàng mà còn cho cả người thân, bạn

bè của họ qua các gói sản phẩm được thiết kế tối ưu dựa trên nhu cầu thực tế của từng nhóm khách hàng. Đối với khách hàng doanh nghiệp, Maritime Bank là ngân hàng chuỗi, là đơn vị cung cấp tài chính cho cả doanh nghiệp và đối tác của họ nhằm giúp tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh, hướng tới cùng đồng hành phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Chú trọng công tác quản trị rủi ro: Là một trong 10 ngân hàng được NHNN lựa chọn tiên phong trong việc triển khai tuân thủ Basel II, Maritime Bank đã thành lập Ban Chỉ đạo dự án Basel II với thành viên là các lãnh đạo cấp cao thuộc Hội đồng Quản trị và Hội đồng Điều hành, thành lập riêng Trung tâm Basel II và Mô hình công cụ rủi ro chuyên trách để triển khai thành công dự án. Hiện tại, Ngân hàng đang duy trì tỷ lệ an toàn vốn vững mạnh vượt mức yêu cầu của NHNN; nhờ có nền tảng vững chắc mà Ngân hàng có thể triển khai tốt các kế hoạch kinh doanh mới theo đúng chiến lược đã đề ra.

Với những nỗ lực không ngừng trong suốt quá trình hoạt động cùng những đóng góp tích cực cho hệ thống Ngân hàng Việt Nam cùng với việc mang lại những giá trị sản phẩm dịch vụ ngày càng tốt hơn cho khách hàng và đối tác, Maritime Bank đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng do các tổ chức uy tín trong và ngoài nước trao tặng như: Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam 2016 do tạp chí International Finance trao tặng; 2 giải thưởng: Ngân hàng có tổng doanh số thẻ Thanh toán quốc tế chi tiêu cao nhất và Ngân hàng có các chương trình marketing thể hiệu quả do Master Card trao tặng; Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2016 do Asian Banking & Finance trao tặng...

25 năm – một chặng đường dài khẳng định vị thế với biết bao tâm huyết đóng góp từ nhiều thế hệ CBNV, khách hàng, đối tác, cổ đông và nhà đầu tư. Những thành quả Maritime Bank đạt được hôm nay không chỉ đơn giản đến từ một cá nhân hay một thành tích nhất định mà là cả một sự hợp lực từ các thế hệ đã và đang cùng nhau cố gắng vì một Maritime Bank vững mạnh. Chúng tôi trân trọng sự gắn kết này và tin tưởng rằng, với những thế mạnh nền tảng vững chắc, định hướng chiến lược rõ ràng, sự dẫn dắt của đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, đầy nhiệt huyết; sự tận tâm của đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp cùng sự tin tưởng, ủng hộ của khách hàng, đối tác, cổ đông, nhà đầu tư; chúng tôi sẽ cùng **đồng tâm** viết tiếp những chặng đường thành công mới cho một Maritime Bank **vững tiến** trong tương lai.



TẦM NHÌN

Trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam

SỨ MỆNH

Xây dựng một ngân hàng tốt đến mức
ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Trách nhiệm
& Liêm chính



Cởi mở
& Đoàn kết



Thấu hiểu
khách hàng



Triển khai
xuất sắc



Liên tục
cải thiện



Tuân thủ
quy định



Trách nhiệm
cộng đồng

NHỮNG CỘT MỐC PHÁT TRIỂN MARITIME BANK

1991

- Maritime Bank chính thức thành lập theo Giấy phép số 0001/NH-GP ngày 08/06/1991 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trở thành một trong những NH TMCP đầu tiên tại Việt Nam.

- Ngày 12/7/1991, Maritime Bank chính thức khai trương tại Tp. Hải Phòng và đi vào hoạt động với 24 cổ đông và vốn điều lệ 40 tỷ đồng.

- Triển khai hệ thống Core Banking đầu tiên tại Việt Nam và được nhân bản sử dụng hầu hết trong các ngân hàng Việt Nam.

- Trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam xin được giấy phép thanh toán quốc tế.

2005

- Chuyển Hội sở chính từ Hải Phòng đến 44 Nguyễn Du, Hà Nội.

- Mở rộng phạm vi hoạt động cả về địa lý và khách hàng mục tiêu với 16 điểm giao dịch trên toàn quốc.

2009

- Chính thức ký hợp đồng tư vấn với McKinsey để xây dựng chiến lược phát triển.

- Vốn điều lệ tăng lên 3.000 tỷ đồng và đạt 109 điểm giao dịch trên toàn quốc.

2010

- Tăng vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng.

- Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới, logo mới với sự kết hợp 2 màu đỏ và đen ấn tượng.

- Chuyển trụ sở chính về Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Tp. Hà Nội.

- Số lượng điểm giao dịch tăng lên 144 điểm trên toàn quốc.

2011

- Tăng vốn điều lệ lên 8.000 tỷ đồng, số điểm giao dịch tăng lên 202 điểm trên toàn quốc, 230 ATM.

- Kết nối thành công với Tổ chức thẻ quốc tế Master Card.

- Nhận Huân chương Lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng.

2014

- Hoàn thiện và mở rộng mô hình kinh doanh của Ngân hàng Cộng đồng.

- Triển khai thành công mô hình tài chính kinh doanh và tín dụng tiêu dùng.

- Được lựa chọn là 1 trong 10 ngân hàng đầu tiên triển khai Basel II.

- Được lựa chọn là 1 trong 5 ngân hàng điện tử được yêu thích nhất năm 2014.

2015

- Chính thức nhận sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (MDB). Gia tăng quy mô và vị thế trên thị trường: Top 5 ngân hàng TMCP xét về mạng lưới và vốn điều lệ.

- Tổng tài sản 104.311 tỷ đồng, vốn điều lệ 11.750 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu gần 14.000 tỷ đồng.

- Mạng lưới giao dịch tăng lên 270 điểm trên toàn quốc và gần 500 ATM; đạt 1,3 triệu khách hàng cá nhân; hơn 30.000 khách hàng doanh nghiệp và các định chế tài chính.

2016

- Trên cơ sở thế mạnh cạnh tranh, Maritime Bank xác lập tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi:

- **Tầm nhìn:** Trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam.

- **Sứ mệnh:** Xây dựng một ngân hàng tốt đến mức ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ.

- **Giá trị cốt lõi:** Trách nhiệm & Liêm chính – Cởi mở & Đoàn kết – Thấu hiểu khách hàng – Triển khai xuất sắc – Liên tục cải thiện – Tuân thủ quy định – Trách nhiệm cộng đồng.

- Tưng bừng kỷ niệm 25 năm thành lập ngân hàng với sự ghi nhận của hàng triệu khách hàng, đối tác và các tổ chức quốc tế uy tín thông qua những giải thưởng danh giá: Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam 2016 do tạp chí International Finance trao tặng; 2 giải thưởng: Ngân hàng có tổng doanh số thẻ Thanh toán quốc tế chi tiêu cao nhất và Ngân hàng có các chương trình marketing thẻ hiệu quả do Master Card trao tặng; Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2016 do Asian Banking & Finance trao tặng...



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG



**THÔNG DIỆP TỪ
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ**

Kính gửi Quý vị cổ đông, khách hàng và đối tác,

Năm 2016 đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Maritime Bank - kỷ niệm 25 năm ngày thành lập ngân hàng (1991-2016). Là Ngân hàng TMCP đầu tiên được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, trải qua ¼ thế kỷ, vượt qua nhiều khó khăn thách thức, Maritime Bank đã không ngừng đổi mới để mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng.

Nhìn lại cuộc hành trình của Maritime Bank từ một ngân hàng non trẻ trong những ngày đầu tiên cho đến hôm nay, trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam với mạng lưới rộng khắp cả nước, tôi cảm thấy rất tự hào. Đó chính là thành quả của nỗ lực và tâm huyết, của sự đồng lòng quyết tâm hướng đến mục tiêu chung mà tập thể Ban Lãnh đạo cùng CBNV của Maritime Bank đã duy trì, tiếp bước trong suốt 25 năm qua.

Tinh thần đó, ngọn lửa nhiệt huyết đó là tài sản vô giá mà chúng tôi, những thành viên của Maritime Bank đã dày công vun đắp, gìn giữ, tạo nên nguồn động lực to lớn đưa Maritime Bank luôn vững vàng vượt qua bao khó khăn thử thách để tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Điều đó được minh chứng qua sức mạnh tập thể của hàng ngàn đại sứ cảm hứng thể hiện tình yêu của mình với tổ chức bằng những trái tim đỏ thắm "I love MSB" nhuộm đỏ Facebook trong dịp kỷ niệm sinh nhật 25 năm vừa qua. Hoạt động đã tạo nên được dấu ấn sâu đậm trong mắt khách hàng và cộng đồng mạng, để mỗi khách hàng cảm nhận được rằng họ sẽ luôn được các Maritimers tận tình phục vụ bằng cả trái tim nhiệt huyết, chân thành.

Sự quyết tâm đồng lòng còn được minh chứng ở sự ủng hộ nhất quán tối đa của các cổ đông. Tuy tình hình kinh tế những năm qua còn nhiều khó khăn nhưng Maritime Bank luôn nhận được sự ủng hộ và cam kết đầu tư dài hạn của các cổ đông. Nhờ có được nguồn tài chính đầu tư mạnh mẽ mà Maritime Bank có thể triển khai tốt chiến lược theo định hướng đã đề ra,

từng bước kiện toàn các nền tảng cơ sở để Ngân hàng luôn vững vàng vượt qua mọi thách thức, đạt đến sự phát triển ổn định, bền vững, góp phần mang lại những giá trị lợi ích lâu dài cho các cổ đông, khách hàng và đối tác.

Với định hướng củng cố, xây dựng nền tảng mạnh mẽ để đáp ứng cho những quy chuẩn tiên tiến nhất trong hoạt động của ngân hàng ở thời điểm hiện tại và tương lai, trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã dành gần 200 tỷ đồng để đầu tư cho những dự án chiến lược. Nhiều dự án công nghệ quan trọng được triển khai đưa vào hoạt động như: dự án Basel II, AML/FATCA, kiểm thử hệ thống dự phòng BCP, v.v... Sự cam kết đầu tư của Hội đồng Quản trị vẫn tiếp tục được duy trì trong năm 2017 với lĩnh vực trọng tâm là nâng cao chất lượng nhân sự của toàn hàng.

Với những thành viên ưu tú được đào tạo bài bản theo quy chuẩn của một ngân hàng hiện đại, môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu suất cao cùng với việc kiên định thực hiện chiến lược đã đề ra, tôi tin tưởng Maritime Bank sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc những chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2017, từng bước thực hiện mục tiêu trở thành Ngân hàng được yêu thích nhất trong mắt khách hàng và đối tác.

Trân trọng!



TRẦN ANH TUẤN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THÔNG điệp từ TỔNG GIÁM ĐỐC MARITIME BANK

Kính thưa Quý vị khách hàng, đối tác và cổ đông,

Trước hết, thay mặt Hội đồng Điều hành và CBNV Maritime Bank, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Quý vị khách hàng, đối tác và cổ đông đã luôn tin nhiệm, ủng hộ và đồng hành cùng Maritime Bank (MSB) trong suốt thời gian qua.

Như tôi đã chia sẻ trong Báo cáo thường niên năm 2015, MSB đã đặt ra 8 mục tiêu trọng yếu cho năm 2016 nhằm cải tiến toàn diện nền tảng Ngân hàng, hướng đến xây dựng MSB trở thành một Ngân hàng tốt hơn, mạnh hơn. Khép lại một năm đầy nỗ lực, MSB đã ghi nhận được những kết quả ban đầu như sau:

1. Đối với mục tiêu xây dựng văn hóa doanh nghiệp của MSB: Trong năm 2016, Ban Lãnh đạo đã thiết lập và phổ biến thành công bộ Giá trị cốt lõi (GTCL) của Ngân hàng. Công tác truyền thông đã được triển khai toàn diện đến toàn thể cán bộ nhân viên MSB ở tất cả các bộ phận, phòng ban. Kết quả kiểm tra cho thấy hơn 90% số lượng cán bộ nhân

viên đã nắm rõ 7 GTCL của MSB và đang hình thành thói quen áp dụng GTCL vào công việc hàng ngày, giúp từng bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp MSB;

2. Đối với việc xây dựng thương hiệu hướng đến khách hàng mục tiêu: Năm 2016, MSB đã gặt hái được kết quả tích cực với tỷ lệ nhận biết thương hiệu tăng 11% so với 2015 theo kết quả khảo sát độc lập từ AC Nielson. Hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong 2017 và những năm tiếp theo;

3. Đối với mục tiêu xây dựng Ngân hàng giao dịch Thuận tiện – Tin cậy – Thân thiện: Trong năm 2016, MSB đã triển khai thành công một số dự án công nghệ quan trọng bao gồm: dự án Basel II, dự án phòng chống rửa tiền, dự án nâng cấp chức năng và giao diện Internet Banking, dự án MIS phục vụ hoạt động quản trị ngân hàng và báo cáo NHNN, v.v... Ngoài ra, Ngân hàng cũng đang triển khai và sẽ đưa vào hoạt động một số dự

án phục vụ khách hàng như: Customer Centricity, Sales Management, LOS...trong năm 2017;

4. Đối với mục tiêu tăng hiệu quả hoạt động, năng lực quản trị rủi ro và phát triển kinh doanh của MSB: Trong năm 2016, Ngân hàng đã tiến hành cải thiện, tinh gọn và hoàn thiện hơn 150 quy trình, quy định nội bộ. Kết quả cho thấy thời gian thực hiện thủ tục, đưa sản phẩm mới ra thị trường hay ban hành quy định, quy trình mới giảm khoảng 50% so với trước đây, tỷ lệ vi phạm quy định quản trị rủi ro nội bộ cũng giảm hơn 70%;

5. Đối với việc phát triển nhóm khách hàng mục tiêu: Trong năm 2016, số lượng khách hàng cá nhân tăng 15%, đạt trên 1,5 triệu khách hàng; tỉ lệ khách hàng doanh nghiệp thường xuyên sử dụng dịch vụ ngân hàng cũng tăng 200% so với năm 2015. Số lượng thẻ tín dụng mới mở tăng 25%. Song song đó, MSB cũng đã liên tục đưa ra nhiều sản phẩm mới và nâng cấp chất lượng dịch vụ để mang lại những trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng. Điển hình là chương trình JOY và JOY+ cho sản phẩm thẻ đã nhận được sự hưởng ứng của đông đảo khách hàng và đánh giá cao từ phía đối tác;

6. Đối với công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Năm 2016, Ngân hàng đã tổ chức gần 400 khóa học tập trung cho 11.000 lượt cán bộ tham dự, 9.890 lượt học viên tham dự đào tạo qua E-Learning, 5.705 lượt cán bộ tham gia kiểm tra trực tuyến để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; Tổ chức thành công 18 chương trình đào tạo kỹ năng theo 4 mảng trụ cột và 23 chương trình đào tạo Kỹ năng Phản hồi trong đánh giá hiệu suất công việc cho toàn thể cán bộ quản lý trên toàn hệ thống nhằm xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp, hiệu suất cao tại MSB;

7. Đối với việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức để đảm bảo vận hành hiệu quả hơn: Trong năm 2016, Ngân hàng đã tiếp tục hoàn thiện sơ đồ tổ chức, xây dựng các bảng mô tả công việc và khung năng lực cho từng CBNV, nâng cao vai trò trách nhiệm của giám đốc chi nhánh, làm mới chương trình chăm sóc khách hàng và chất lượng dịch vụ,... Kết quả khảo sát nội bộ và độc lập bên ngoài cho thấy hơn 90% CBNV tin tưởng vào những thay đổi do ban lãnh đạo Ngân hàng dẫn dắt và phần lớn khách hàng hài lòng với chất lượng dịch vụ của MSB;

8. Cuối cùng, trong năm 2016 Ngân hàng cũng đã tích cực xử lý nợ xấu, tăng cường trích lập dự phòng rủi ro để giải quyết dần những khoản nợ xấu còn tồn đọng. Tổng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2016 là 1.743 tỷ đồng.

Những nỗ lực trong năm qua của MSB không chỉ được ghi nhận bởi khách hàng mà còn được công nhận bởi những tổ chức tài chính lớn trên thế giới. Bên cạnh việc được tổ chức Moody's xếp hạng tín nhiệm B3 – Triển vọng tích cực và được Tổ chức thẻ Master Card trao các giải thưởng cho hoạt động thẻ, lần đầu tiên MSB được Global Finance - tạp chí uy tín hàng đầu trong lĩnh vực ngân hàng - bình chọn là Ngân hàng TMCP tốt

nhất Việt Nam 2017. Những giải thưởng này là niềm vinh dự rất lớn của chúng tôi và cũng là động lực để MSB nỗ lực hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Những kết quả đạt được đã chứng minh định hướng Ngân hàng đang theo đuổi là đúng đắn và chúng ta hoàn toàn có thể mong đợi vào một MSB thành công, phát triển bền vững trong tương lai. Chính vì vậy, năm 2017 chúng tôi sẽ tiếp tục bám sát định hướng của HĐQT, tập trung toàn lực cho đầu tư phát triển hệ thống nền tảng Ngân hàng với các mục tiêu trọng yếu như sau:

1. Triển khai thành công các dự án Customer Centricity, Loan Origination, Sales Management, Corporate Intranet, Human Resource Management,... để tăng chất lượng trải nghiệm của khách hàng, nâng hiệu suất lao động, hiệu quả bán hàng và cải thiện chất lượng truyền thông nội bộ để Ngân hàng hoạt động hiệu quả hơn;

2. Tiếp tục phát triển các phân khúc khách hàng mục tiêu thông qua việc giới thiệu các sản phẩm và giải pháp tài chính độc đáo, khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh và mang đến các tiện ích mới, giá trị gia tăng cho khách hàng;

3. Tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu tạo lập nguồn nhân lực như một lợi thế cạnh tranh của MSB trên thị trường;

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển thương hiệu Maritime Bank trên thị trường, từng bước đưa Maritime Bank thành thương hiệu được khách hàng khuyến dùng hàng đầu tại Việt Nam.

Ngoài các mục tiêu trọng yếu trên, Ngân hàng sẽ vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động cần thiết nhằm gia tăng năng lực quản trị rủi ro, xử lý nợ xấu và xây dựng văn hóa doanh nghiệp tốt nhằm từng bước hoàn thành sứ mệnh "Xây dựng một ngân hàng tốt đến mức ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ".

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!



HUỲNH BỬU QUANG

Tổng Giám Đốc MARITIME BANK

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016 đánh dấu chặng đường 25 năm phát triển của Maritime Bank. Đây cũng là năm Ngân hàng tập trung đầu tư vào hệ thống cơ sở nền tảng để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng quy mô phát triển mạnh mẽ và bền vững của ngân hàng trong thời điểm hiện tại và các năm tiếp tới.

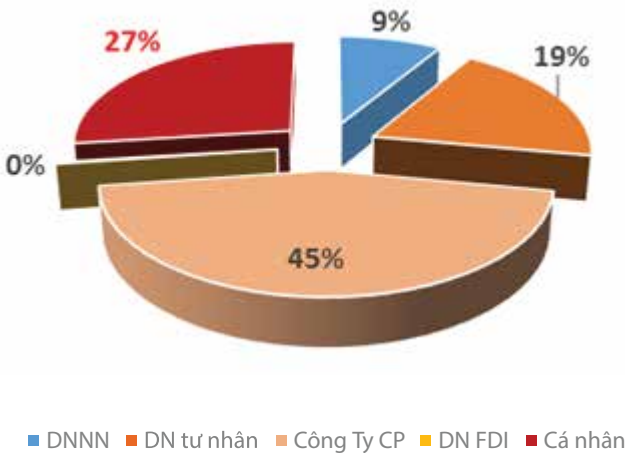
Nền kinh tế trong năm này nhìn chung còn nhiều thách thức, đặc biệt ngành nông – lâm – thủy sản gặp khó vì thiên tai, hạn hán; ngành khai khoáng giảm sâu... tác động mạnh đến mức tăng trưởng GDP chung.... Với nhiều quyết tâm nỗ lực trong việc cải tiến chất lượng dịch vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động, Maritime Bank đã đạt được các kết quả khả quan, cụ thể:

1. Bảng cân đối kế toán: Bảng cân đối kế toán có sự thay đổi tích cực về cấu trúc, tập trung vào phát triển mảng khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cụ thể, cho vay khách hàng cá nhân tăng trưởng mạnh 44% so với năm 2015, tiền gửi cá nhân cũng tăng 10% so với năm trước giúp tăng tỷ trọng tiền gửi từ nhóm khách hàng cá nhân từ 63% năm 2015 lên 76% năm 2016.

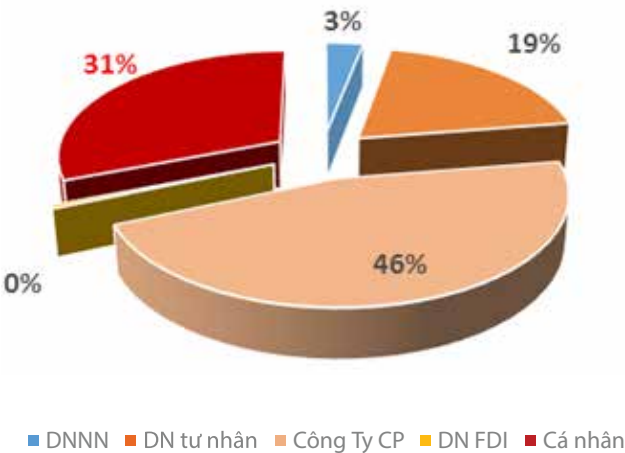
2. Cho vay khách hàng: Tiếp tục đà tăng trưởng sau những năm tái cơ cấu danh mục trong giai đoạn 2013-2014, tổng cho vay khách hàng năm 2016 tăng 25% so với năm 2015, trong đó tăng trưởng

mạnh nhất ở mảng khách hàng cá nhân (tăng 44%). Tỷ trọng mảng khách hàng cá nhân cũng tăng từ 27% năm 2015 lên 31% năm 2016, ngược lại tỷ trọng mảng doanh nghiệp nhà nước (SOEs) giảm từ 9% năm 2015 xuống còn 3% vào năm 2016. Dù tốc độ tăng trưởng tín dụng liên tục tăng cao qua các năm nhưng tỷ lệ nợ quá hạn luôn được kiểm soát tốt. Cụ thể dư nợ nợ quá hạn đã giảm 15% so với số liệu đầu năm, dư nợ trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành giảm 11% so với số liệu đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu luôn được Ngân hàng kiểm soát chặt chẽ, luôn đảm bảo dưới 3% theo yêu cầu của NHNN.

Tỷ trọng cho vay của khách hàng 2015

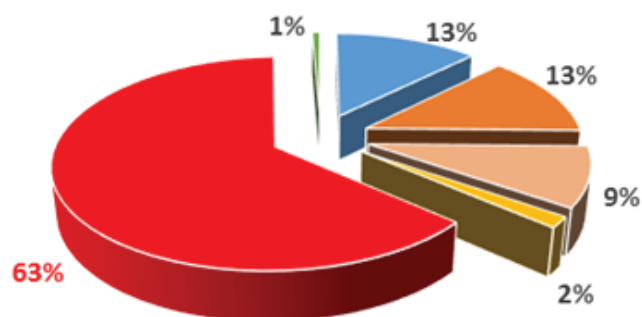


Tỷ trọng cho vay của khách hàng 2016



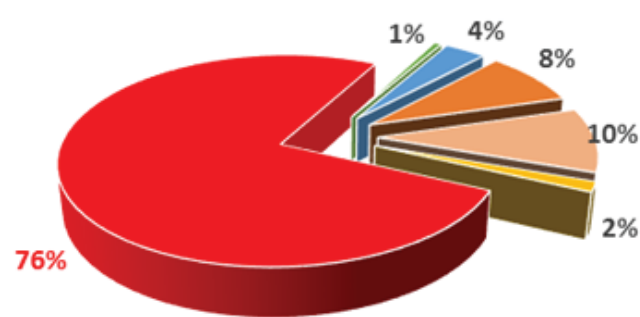
3. Tiền gửi khách hàng: Tiền gửi của khách hàng tiếp tục được cấu trúc theo hướng tăng tính ổn định cho Ngân hàng theo chiến lược tăng tỷ trọng tiền gửi của nhóm khách hàng cá nhân, giảm tỷ trọng tiền gửi của các khách hàng doanh nghiệp nhà nước và tư nhân. Cụ thể, tỷ trọng nhóm khách hàng doanh nghiệp nhà nước và tư nhân giảm từ 26% vào đầu năm 2016 xuống còn 12% vào cuối năm 2016; ngược lại tỷ trọng nhóm khách hàng cá nhân tăng mạnh từ 63% lên 76% vào cuối năm 2016, chiếm tỷ trọng chính trong tổng tiền gửi khách hàng. Tiền gửi trung dài hạn chiếm tỷ trọng 43% trong tổng tiền gửi của khách hàng. Theo đó, Ngân hàng sẽ được đảm bảo nguồn vốn ổn định để tăng trưởng và phát triển dài hạn.

Tỷ trọng tiền gửi của khách hàng 2015



■ DNNN ■ DN tư nhân ■ Công Ty CP ■ DN FDI ■ Cá nhân ■ Khác

Tỷ trọng tiền gửi của khách hàng 2016

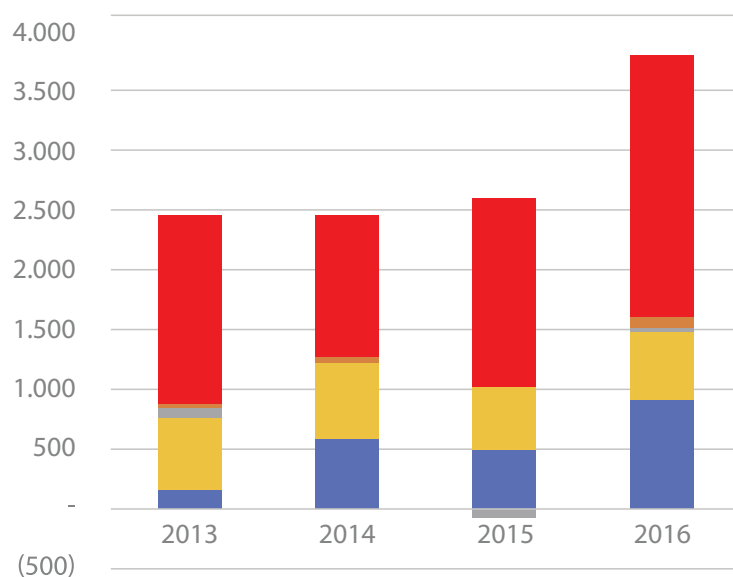


■ DNNN ■ DN tư nhân ■ Công Ty CP ■ DN FDI ■ Cá nhân ■ Khác

4. Vốn chủ sở hữu và hệ số an toàn vốn: Vốn chủ sở hữu vẫn tiếp tục được duy trì ở mức cao, chiếm tỷ trọng 15% tổng nguồn vốn của Ngân hàng. Theo đó, hệ số an toàn vốn CAR đạt 23.59% tại thời điểm 31.12.2016, cao hơn rất nhiều so với mức quy định 9% của Ngân hàng Nhà nước. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và hệ số an toàn vốn luôn ở mức cao là cơ sở vững chắc để Ngân hàng tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm tiếp theo.

5. Kết quả hoạt động kinh doanh: Tiếp tục đà tăng trưởng sau khi thực hiện tái cơ cấu danh mục, tổng thu thuần năm 2016 của Ngân hàng tăng 52.6% so với năm 2015. Trong đó, thu nhập lãi thuần tăng trưởng 44% nhờ tăng trưởng tốt cho vay khách hàng, kiểm soát tốt

tỷ lệ nợ xấu cũng như cơ cấu tốt tài sản, nguồn vốn huy động. Các mảng hoạt động khác cũng tăng trưởng ấn tượng, cụ thể: thu thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 141%, thu thuần từ hoạt động khác tăng 100%. Sau hơn 1 năm thực hiện sáp nhập MDB, Ngân hàng đã thực hiện kiểm soát tinh giảm một số hạng mục chi phí nên chi phí chỉ tăng nhẹ 5% so với năm trước. Nhờ tăng trưởng thu thuần tốt và kiểm soát chi phí chặt chẽ nên tổng lợi nhuận trước dự phòng năm 2016 tăng mạnh 179% so với năm 2015. Năm 2016, Ngân hàng tiếp tục thực hiện trích lập dự phòng theo đề án tái cơ cấu để đảm bảo an toàn hoạt động nên trích lập dự phòng tăng 231% so với năm trước. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2016 của Ngân hàng đạt mức tăng 20% so với năm 2015.



Cơ cấu thu nhập hoạt động (Tỷ VNĐ)

- Thu nhập lãi thuần
- Thu thuần từ hoạt động dịch vụ
- Thu thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối
- Thu thuần từ hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán
- Thu thuần từ hoạt động khác

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Hướng tới việc cung cấp trải nghiệm dịch vụ tài chính ngân hàng tốt nhất không chỉ cho mỗi khách hàng mà còn mang lại giải pháp tài chính đa dạng, thuận tiện, phù hợp nhất cho cả gia đình, bạn bè và đối tác của họ, Maritime Bank đã và đang nỗ lực không ngừng trong việc đầu tư và phát triển các sản phẩm dịch vụ ưu việt cho mỗi phân khúc khách hàng, hướng tới giá trị Thuận tiện – Tin Cậy – Thân thiện, trở thành ngân hàng giao dịch tốt nhất mà khách hàng ưu tiên lựa chọn.

Những thành tựu nổi bật trong năm 2016

Triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ mới, mang lại sự thuận tiện trong giao dịch:

Bên cạnh các sản phẩm truyền thống trên thị trường như: cho vay hộ kinh doanh, cho vay thấu chi có tài sản đảm bảo..., năm 2016, Ngân hàng đã triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ mới. Cụ thể Maritime Bank là ngân hàng đầu tiên trên thị trường Việt Nam triển khai giải pháp tài chính Meed giúp khách hàng trẻ tuổi có thể thực hiện nhiều giao dịch ngân hàng qua điện thoại di động như: chi tiêu, tiết kiệm, chuyển tiền... Sản phẩm thẻ cũng có nhiều hoạt động thu hút sự quan tâm của đông đảo khách hàng với việc ra mắt thẻ đồng thương hiệu Lotte – Maritime Bank nhằm gia tăng lợi ích và thuận tiện cho cả khách hàng của Ngân hàng và đối tác; bổ sung tính năng trả góp qua thẻ tín dụng hay các chương trình Joy và Joy+ hàng tháng mang đến cho khách hàng những ưu đãi vượt trội giảm giá đến 50% khi chi tiêu.

Phát triển lực lượng bán hàng chuyên nghiệp, thân thiện: Ý thức sâu sắc yếu tố con người đóng vai trò đặc biệt quan trọng giúp mang đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ ngân hàng tốt nhất, trong năm 2016, Maritime Bank đã xây dựng triển khai hệ thống KPI cho từng chức danh cán bộ, đồng thời xây dựng lộ trình công danh rõ ràng, cụ thể hóa chính sách phát triển nhân sự. Các chương trình đào tạo theo 4 trụ cột cơ bản là: bán hàng, chất lượng dịch vụ, quản trị và lãnh đạo, nâng cao năng lực tín dụng được cung cấp bởi các đối tác chuyên nghiệp, hỗ trợ hiệu quả trong công tác phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2016, Maritime Bank cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai đào tạo chuẩn hóa năng lực tín dụng Omega cho các cán bộ của Ngân hàng Bán lẻ, từng bước khẳng định sự chuyên nghiệp, tư duy hiện đại, phù hợp với tiêu chuẩn phát triển của thế giới.

Cùng với đó, Ngân hàng còn chú trọng xây dựng văn hóa bán hàng kết hợp với những chương trình thi đua dành riêng cho đội ngũ nhân viên bán hàng và dịch vụ khách hàng như: Sales Champion 2017 – Đấu trường RB, M-Bán chéo dành cho các giao dịch viên, kiểm soát viên tham gia bán hàng ... Đội ngũ bán hàng và dịch vụ khách hàng nhiệt huyết, năng động, chuyên nghiệp đã góp phần quan trọng giúp Maritime Bank nhận được sự tin tưởng và sử dụng của hơn 1,5 triệu khách hàng cá nhân, tăng 15% so với năm 2015.

Đa dạng hóa sản phẩm và mô hình dịch vụ thiết kế phù hợp với nhu cầu thực tế của từng phân khúc khách hàng:

Để cao tôn chỉ luôn tôn trọng và lắng nghe, nắm bắt nhu cầu của từng phân khúc khách hàng, từ đó xây dựng sản phẩm dịch vụ cùng mô hình dịch vụ phù hợp nhất cho khách hàng là điều quan trọng cốt yếu giúp Maritime Bank tạo dựng được vị thế của mình trên thị trường.

Đối với mảng dịch vụ ngân hàng bán lẻ phục vụ phân khúc khách hàng thành thị có thu nhập cao và khá



Với định hướng trở thành Ngân hàng gia đình cung cấp trải nghiệm dịch vụ tốt nhất thông qua dịch vụ thuận tiện và chính sách ưu đãi linh hoạt, trong năm 2016, Maritime Bank đã chú trọng phát triển gói giải pháp tài chính thay vì từng sản phẩm riêng lẻ. Chẳng hạn như gói sản phẩm trả lương và tài khoản được đóng gói với nhiều tiện ích dịch vụ đi kèm như: thẻ thanh toán Quốc tế, dịch vụ ngân hàng điện tử, kết hợp với những giá trị bảo vệ từ các sản phẩm bancassurance như M-plus, M-home care... nhằm mang lại gói dịch vụ phù hợp với nhu cầu cùng sự thuận tiện tối đa cho khách hàng khi giao dịch.

Về tín dụng, việc Maritime Bank tiếp tục cải thiện và chuẩn hóa quy trình cho vay từ tiền thả - thả định - giải ngân cùng với việc phát triển gói sản phẩm nhằm cung cấp các giải pháp đặc thù cho từng phân khúc đã tạo nên sự khởi sắc trong mảng tín dụng bán lẻ với mức tăng trưởng ấn tượng: dư nợ bình quân cho vay mảng nhà dự án tăng trưởng bằng hai lần so với năm 2015, thấu chi bằng hơn 2 lần số đầu năm, số dư cho vay mảng tín chấp tăng 39%.

Về sản phẩm thẻ, việc tái định vị lại sản phẩm thẻ ghi nợ và tín dụng quốc tế phù hợp hơn cho từng phân khúc khách hàng mục tiêu với giá trị gia tăng từ việc mở rộng hệ thống đối tác ưu đãi sử dụng thẻ (JOY và JOY+), cải tiến quy trình bán hàng kết hợp theo gói sản phẩm trả lương cũng như đơn giản hóa quy trình phê duyệt, phát triển thêm các sản phẩm, tính năng mới đã mang lại giá trị hấp dẫn và thu hút được ngày càng nhiều khách hàng tin tưởng sử dụng. Số lượng khách hàng mở mới thẻ tín dụng trong năm 2016 tăng 25% so với năm trước.

Đối với mảng dịch vụ ngân hàng cộng đồng phục vụ phân khúc khách hàng tiểu thương, khách hàng có thu nhập trung bình tại các địa bàn nông thôn

Phục vụ số lượng khách hàng đông, hầu hết thuộc tầng lớp lao động, có hiểu biết hạn chế về các sản phẩm tài chính ngân hàng, Maritime Bank luôn nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa các sản phẩm ngân hàng đến gần nhất với khách hàng, kết hợp chặt chẽ hoạt động cộng đồng với kinh doanh, thực sự là một Ngân hàng vì cộng đồng. Nhờ đó, năm 2016, tổng số khách hàng trong phân khúc này tăng trưởng ổn định ở mức 13% so với năm 2015.

Nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ ngân hàng, Ngân hàng Cộng đồng đã phát triển các chuỗi giá trị với sản phẩm đầu tiên là chuỗi cho vay đối với bà con nông dân và các nhà phân phối thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm. Sản phẩm cho vay và bảo lãnh đối với các đại lý phân phối thức ăn chăn nuôi của Ngân hàng Cộng đồng đã thu hút sự quan tâm của 8 công ty sản xuất thức ăn chăn

nuôi lớn nhất trên thị trường. Với doanh số lên đến hơn 100.000 tỷ đồng mỗi năm và hàng chục ngàn khách hàng trong cả nước, ngành thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi gia súc gia cầm thực sự là phân khúc khách hàng tiềm năng mới cho Ngân hàng Cộng đồng trong các năm tới.

Bên cạnh đó, các sản phẩm ngân hàng truyền thống cũng mang lại kết quả rất khả quan cho Ngân hàng Cộng đồng trong năm 2016. Tổng dư nợ tăng 25%, tổng huy động tăng đến 36% so với năm 2015, riêng cho vay theo lương là sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao nhất, đạt mức 49%.

Tiếp tục hướng tới việc mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng trong mỗi sản phẩm dịch vụ tài chính cá nhân trong 2017

Hướng tới việc mang lại giá trị Thuận tiện – Tin cậy – Thân thiện trong mỗi sản phẩm dịch vụ tài chính cá nhân, trong năm 2017, Maritime Bank tiếp tục chú trọng thực hiện những trọng tâm sau:

(1) Hoàn thiện mô hình tư vấn tài chính cá nhân gắn với phân khúc khách hàng First Class Banking: Nâng cao trải nghiệm dịch vụ của các khách hàng có thu nhập cao thông qua các sản phẩm dịch vụ cạnh tranh, được thiết kế phù hợp nhất với nhu cầu của nhóm phân khúc này, cung cấp cho khách hàng các dịch vụ đầu tư, bảo hiểm xứng tầm, cùng với việc xây dựng đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp, trình độ cao.

(2) Đơn giản hóa sản phẩm dịch vụ, gia tăng thuận tiện cho khách hàng: Tiếp tục cải tiến các quy trình dịch vụ khách hàng đơn giản, thuận tiện hơn, đảm bảo an toàn hoạt động với sự hỗ trợ của các dự án công nghệ trọng yếu (Customer Centricity, LOS, BDM...) được tiếp tục triển khai mạnh mẽ trong năm 2017, từ đó tạo ra những giá trị khác biệt trong mỗi sản phẩm dịch vụ thiết kế cho nhu cầu của từng phân khúc khách hàng mục tiêu, tạo sự gắn kết bền lâu giữa khách hàng và ngân hàng.

(3) Chuẩn hóa và tạo sự đồng nhất trong trải nghiệm khách hàng: Chuẩn hóa mô hình phục vụ, hình ảnh chuyên nghiệp tại chi nhánh, nâng cao trải nghiệm đồng nhất cho khách hàng trên các kênh Internet Banking, Mobile Banking và ATM, hướng tới việc trở thành ngân hàng được khách hàng ưu tiên lựa chọn sử dụng và khuyến dùng.

Với tầm nhìn và chiến lược đúng đắn, cam kết hỗ trợ và đầu tư của Hội đồng Quản trị cho những dự án chiến lược nhằm củng cố và nâng cao thể mạnh nền tảng, cùng nhiệt huyết và quyết tâm của toàn bộ cán bộ nhân viên để mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng trong mỗi việc chúng tôi làm, Maritime Bank chắc chắn sẽ trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Phân khúc Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ

Năm 2016 được chọn là năm trọng tâm để Maritime Bank thực hiện nhiều cải tiến tích cực nhằm xây dựng hệ thống vận hành hiệu quả đồng thời nâng cao năng lực đáp ứng tốt nhất nhu cầu tài chính ngân hàng của phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời cải thiện chất lượng trải nghiệm dịch vụ ở từng điểm giao dịch, từ đó hướng đến việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ và phát triển bền vững. Định hướng đúng đắn này đã giúp Ngân hàng có được những kết quả kinh doanh tích cực trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ này.

Tăng trưởng quy mô và thu hút nhiều khách hàng mới

Chú trọng tới việc phát triển khách hàng mới hiệu quả và bền vững dựa trên nền tảng ngân hàng giao dịch mang lại trải nghiệm dịch vụ đơn giản, thuận tiện và chính sách ưu đãi linh hoạt cho từng phân khúc khách hàng mục tiêu, trong năm 2016, Ngân hàng đã thu hút thêm hàng ngàn khách hàng doanh nghiệp tin tưởng lựa chọn, trong đó có gần 25% là khách hàng tín dụng, từ đó góp phần tăng trưởng 44% quy mô tín dụng trong phân khúc khách hàng mục tiêu so với năm 2015. Song song đó, việc cải tiến, tinh gọn quy trình quản trị và phê duyệt tín dụng hiệu quả đã giúp Maritime Bank quản lý tốt chất lượng tín dụng với tỷ lệ nợ quá hạn được duy trì ở mức rất thấp 0.57%.

Cũng trong năm 2016, Maritime Bank đã xây dựng và triển khai thành công chương trình tín dụng dành cho phân khúc doanh nghiệp siêu nhỏ. Chỉ trong gần 6 tháng áp dụng thí điểm, Ngân hàng đã cấp tín dụng cho hàng trăm khách hàng mới và dự kiến số lượng khách hàng ở phân khúc này sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trên hai con số trong thời gian tới.

Nâng cao năng lực bán hàng và chất lượng dịch vụ

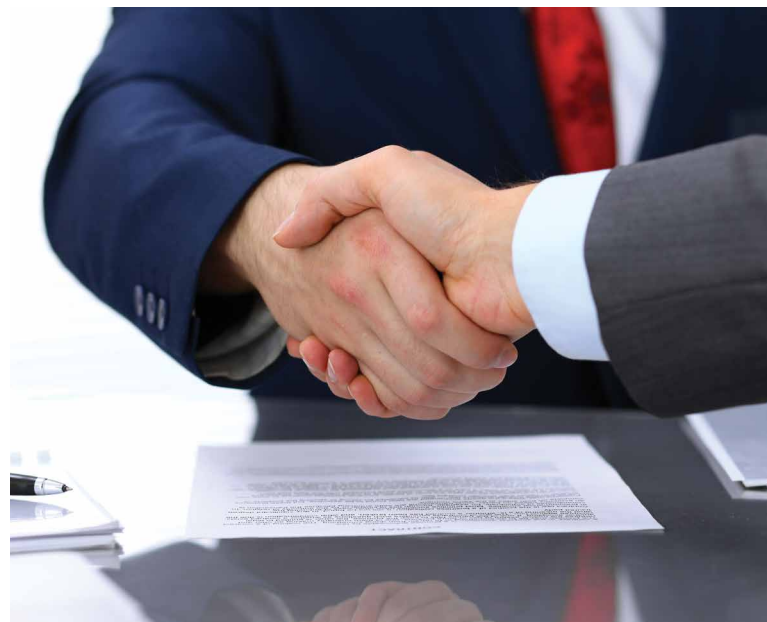
Không chỉ chú trọng phát triển khách hàng mới, năm 2016, Ngân hàng đã triển khai xây dựng và áp dụng các quy trình quản trị hiệu quả nhằm giảm tối đa những bất cập trong mô hình vận hành, bán hàng, từ đó nâng cao chất lượng và tốc độ xử lý hồ sơ khách hàng. Những nỗ lực đó đã được khách hàng đánh giá cao với tỉ lệ hài lòng lên tới gần 90%, tỉ lệ khách hàng thường xuyên sử dụng dịch vụ Ngân hàng cũng tăng 200% so với 2015.

Đội ngũ bán hàng và hệ thống quản trị năng lực bán hàng trong mảng khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng được cải thiện đáng kể thông qua việc hoàn chỉnh hệ thống quản trị và chức danh theo mô hình kinh doanh mới năng động và hiệu quả, chuẩn hóa mô tả công việc và KPI cho từng vị trí công việc.

Những cải tiến lớn về nền tảng cơ sở của Maritime Bank nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của phân khúc khách hàng

doanh nghiệp vừa và nhỏ trong năm 2016 sẽ là tiền đề quan trọng và vững chắc mang đến thành công cho Ngân hàng trong năm 2017, một năm được xác định sẽ tăng tốc, tạo được thế mạnh cạnh tranh trên thị trường của phân khúc khách hàng này, với các định hướng phát triển cụ thể như sau:

- Đẩy mạnh phát triển toàn diện phân khúc doanh nghiệp siêu nhỏ trên toàn hệ thống với mục tiêu tăng trưởng dư nợ lên 1.000 tỷ đồng thời điểm cuối năm 2017.
- Xây dựng hoàn thiện chương trình tài trợ chuỗi giai đoạn 2, mở rộng quy mô hoạt động và tăng 80% dư nợ trong phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Cải tiến công nghệ và xây dựng chính sách để phát triển dịch vụ và tài trợ thương mại, hướng đến tốc độ tăng trưởng 30% đối với thu thuần từ phí và thu nhập ngoài lãi trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.





Phân khúc Khách hàng doanh nghiệp lớn

Tiếp tục thực hiện chiến lược tạo giá trị khác biệt dành cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn đã được đặt ra từ các năm trước, trong năm 2016, Maritime Bank triển khai mở rộng mô hình bán hàng và mô hình phục vụ khách hàng, theo đó đã thực hiện mở rộng khai thác đối với hai phân khúc khách mới là khách hàng Doanh nghiệp vừa (quy mô doanh thu từ 400 tỷ đến dưới 1.000 tỷ đồng) và khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) với đối tượng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của các quốc gia Châu Á. Tổng giá trị hạn mức Maritime Bank đã cấp cho đối tượng khách hàng này lên đến hàng nghìn tỷ đồng với số lượng hàng trăm khách hàng mới.

Ngoài các sản phẩm dịch vụ trọng tâm dành cho khách hàng doanh nghiệp lớn, để có thể phát triển vững mạnh và bền vững cùng khách hàng của mình, Ngân hàng đã xây dựng mô hình phối hợp hiệu quả của các đơn vị quản lý phân khúc khách hàng khác nhau để đẩy mạnh việc triển khai các giải pháp tài trợ chuỗi với sản phẩm chính là sản phẩm tài trợ nhà phân phối và sản phẩm tài trợ nhà cung cấp cho đối tác của khách hàng.

Tiếp nối những nền tảng đã thiết lập trong năm 2016, trong năm 2017, Maritime Bank sẽ tiếp tục kiên định với định hướng chiến lược đã đề ra cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn với các hoạt

động mục tiêu sau:

- Duy trì và phát triển các gói giải pháp được thiết kế phù hợp với từng nhóm khách hàng, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động với chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn, đồng thời tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tốt chỉ số sinh lời hoạt động ROE trong phân khúc khách hàng quan trọng này.
- Chủ động triển khai công tác đào tạo nhân sự nguồn, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ bán hàng tài năng cũng như xây dựng lộ trình phát triển sự nghiệp cho mỗi cán bộ tại các đơn vị.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

Năm 2016, dịch vụ tài chính ngân hàng dành cho khách hàng định chế tài chính tiếp tục khẳng định được vị trí là một lĩnh vực kinh doanh chủ chốt của Maritime Bank với đa số các mảng hoạt động và kinh doanh đều tăng trưởng tốt, rất đáng khích lệ trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn.



Về hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Maritime Bank liên tục khẳng định được vị thế là ngân hàng tạo lập thị trường và là đối tác đáng tin cậy của thị trường liên ngân hàng với doanh số giao dịch ngoại tệ năm 2016 tiếp tục đạt mức cao, tương đương với 52,6 tỷ USD quy đổi, giảm nhẹ so với năm 2015.

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu của khách hàng thị trường 1, Ngân hàng Định chế tài chính đã tiếp tục cải tiến các sản phẩm ưu việt vốn đã có uy tín trên thị trường như: Mflex, Mfloat, Mreset, Mfine/Dual currency, Mfly... đồng thời ban hành sản phẩm mới M-insured được đông đảo khách hàng chào đón.

Về hoạt động kinh doanh Trái phiếu Chính phủ

Năm 2016 tiếp tục là một năm thành công của Maritime Bank trong hoạt động đầu tư kinh doanh Trái phiếu Chính phủ. Với doanh số giao dịch trái phiếu năm đạt 128.113 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2015, Maritime Bank vẫn giữ vững vị trí nằm trong top 3 các ngân hàng tạo lập thị trường trên VBMA. Nhờ đó, Ngân hàng đạt được sự tin cậy cao từ cơ quan quản lý như: Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc, Bộ Tài chính, Sở Giao dịch chứng khoán với các giải thưởng uy tín được trao tặng: Giải thưởng thành viên chào giá tốt nhất trên VBMA; Thành viên giao dịch nhiều nhất trên VBMA.

Về hoạt động kinh doanh tiền tệ

Tính đến 31/12/2016, tổng huy động từ các tổ chức tín dụng khác (bao gồm cả tiền gửi và tiền vay) đạt 10.536 tỷ đồng, dư nợ cho vay/gửi tại các tổ chức tín dụng đạt 7.673 tỷ đồng, giảm lần lượt 39% và 34% so với năm 2015.

Mặc dù giảm đáng kể số dư huy động và cho vay trên thị trường liên ngân hàng nhưng hoạt động kinh doanh tiền tệ vẫn tiếp tục duy trì được hiệu quả kinh doanh cao do ngân hàng đã đẩy mạnh doanh số giao dịch kết hợp với những chiến lược kinh doanh phù hợp với điều kiện thị trường trong từng giai đoạn. Tổng doanh số giao dịch năm 2016 tăng gần 15% so với năm trước đó, đạt 230.515 tỷ đồng quy đổi. Song song với những nỗ lực kinh doanh với tiêu chí kiểm soát chặt chẽ hơn trong hoạt động cho vay để hạn chế rủi ro, Ngân hàng Định chế tài chính vẫn tiếp tục quản lý tốt bảng cân đối của toàn hệ thống, luôn duy trì khả năng thanh khoản tốt trong mọi điều kiện.

Nỗ lực củng cố, mở rộng cơ sở khách hàng

Maritime Bank luôn chú trọng mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với các định chế tài chính trong nước cũng như các ngân hàng hàng đầu trong khu vực và trên thế giới để phục vụ các hoạt động của ngân hàng như: hoạt động thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, giao dịch tiền tệ, mua bán ngoại tệ và các sản phẩm phái sinh được diễn ra một cách nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

Trong năm 2016, ngoài việc củng cố cơ sở khách hàng sẵn có, Maritime Bank đã mở rộng quan hệ ngân hàng đại lý với nhiều đối tác mới trong và ngoài nước, nâng tổng số ngân hàng đại lý lên hơn 600 ngân hàng tại hơn 60 quốc gia trên thế giới. Maritime Bank cũng ký kết thêm nhiều hợp đồng hợp tác trong nhiều lĩnh vực như: các hợp đồng ISDA và CSA, hợp đồng thanh toán biên mậu, tài trợ thương mại, bao thanh toán, dịch vụ ngoại tệ mặt...

Hiện Maritime Bank đang duy trì quan hệ hạn mức với hầu hết các định chế tài chính trong nước và hơn 50 định chế tài chính nước ngoài với tổng hạn mức lên tới hàng trăm triệu đô la Mỹ. Nhờ đó ngân hàng có thể hỗ trợ một cách hiệu quả hoạt động thanh toán của cá nhân và doanh nghiệp, hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, cũng như các hoạt động trên thị trường liên ngân hàng của chính mình.

Với các định chế tài chính phi tổ chức tín dụng bao gồm các công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, năm 2016 là năm thứ năm Maritime Bank tập trung phục vụ đối tượng khách hàng này tại một đầu mối ở Hội sở nhằm nâng cao khả năng đáp ứng tất cả các nhu cầu của khách hàng. Ngoài các sản phẩm dịch vụ thông thường, Maritime Bank còn cung cấp những sản phẩm huy động tiền gửi hấp dẫn và linh hoạt nhất cho các công ty chứng khoán và quản lý quỹ, mở rộng sản phẩm tín dụng cho vay ngắn hạn mang lại nhiều tiện ích và giá trị gia tăng cho khách hàng.

Năm 2016 cũng ghi nhận sự khởi sắc của các chương trình hành động liên quan đến mảng thu ngân sách nhà nước và dự án ODA nhằm tăng doanh thu phí cũng như huy động được nguồn vốn chi phí thấp cho Ngân hàng. Với 4 dự án mới triển khai, Maritime Bank hiện là một trong số ít các ngân hàng thương mại được phục vụ đầy đủ các chương trình thu ngân sách nhà nước và các dự án ODA do Ngân hàng thế giới (World Bank), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác phát triển Nhật Bản (JICA)... tài trợ.



CON NGƯỜI & CỘNG ĐỒNG



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ VÀ BỀN VỮNG

Hướng tới sự phát triển bền vững, Maritime Bank xác định nguồn nhân lực là nền tảng cơ bản và cũng là lợi thế cạnh tranh trọng tâm, đóng vai trò quyết định sự thành công của Ngân hàng. Việc chú trọng phát triển nguồn nhân lực là chiến lược đã, đang và sẽ tiếp tục được Maritime Bank triển khai trong năm 2017 và nhiều năm tới.

2016 là năm đầu tiên Maritime Bank thực hiện chiến lược nền tảng về nhân sự: Mang đến trải nghiệm tốt nhất cho cán bộ nhân viên khi làm việc, gắn kết với Ngân hàng. Hoạt động phát triển nhân lực đã được triển khai toàn diện với các trọng tâm sau:

Xây dựng văn hóa làm việc hiệu suất cao cùng với việc xây dựng nguồn nhân lực kế cận dự phòng

Năm 2016, Maritime Bank tiếp tục xây dựng môi trường làm việc hiệu suất cao. Hệ thống KPI cho từng vị trí công việc được triển khai để có thể đo lường hiệu suất làm việc của mỗi CBNV một cách cụ thể, trung thực và minh bạch. Nhiều chương trình thi đua đã được tổ chức với mục đích tìm kiếm các cá nhân xuất sắc, ghi nhận những sáng kiến cải tiến khả thi, góp phần cải thiện quy trình nhằm tránh lãng phí, gia tăng lợi ích cho cả Ngân hàng và khách hàng. Dựa trên thang đánh giá hiệu quả thực tế mà mỗi CBNV sẽ được ghi nhận và nhận được các đãi ngộ xứng đáng của Ngân hàng thông qua Chính sách Talent Pool, Chính sách đãi ngộ và phúc lợi.

Với mục đích tìm kiếm và lựa chọn những cán bộ xuất sắc nhất làm cơ sở xây dựng và hoạch định nguồn nhân lực kế cận cho Ngân hàng, Chương trình Talent Pool năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn nhằm mục tiêu đưa năng lực cán bộ Maritime Bank tiệm cận với tiêu chuẩn năng lực quốc tế. Trong đó, hai nội dung thay đổi nổi bật nhất là: Quy trình đánh giá nhân tài và Chính sách đào tạo gắn với lộ trình phát triển nghề nghiệp của cán bộ tại Maritime Bank. Theo đó, Maritime Bank định vị cán bộ Talent Pool là những cán bộ có kết quả xếp loại từ A2 trở lên; Có hiệu suất công việc cao vượt trội so với những cán bộ có hiệu suất làm việc cao; Có kiến thức, năng lực nghiệp vụ xuất sắc; Có tư duy sáng tạo, tư duy chiến lược và kinh doanh nhạy bén. Cán bộ thuộc Talent Pool được hưởng những quyền lợi, chế độ ưu đãi và cạnh tranh cùng chính sách đào tạo ưu việt, giúp cán bộ hoàn thiện năng lực và phát triển theo đúng lộ trình.

Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ

Trong năm qua, công tác đào tạo được Maritime Bank đặc biệt chú trọng nhằm nâng cao chất lượng nhân sự, xây dựng nguồn nhân lực tài năng, tác phong chuyên nghiệp, đem lại hiệu suất cao trong công việc. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho toàn thể CBNV của Ngân hàng được thực hiện theo hướng chuyên nghiệp và tập trung vào lĩnh vực trọng yếu gồm: kỹ năng bán hàng, tín dụng, quản trị và chăm sóc khách hàng. Maritime Bank đã tổ chức gần 400 chương trình đào tạo cho 11.000 lượt CBNV tham dự, bao gồm:

- Chuỗi chương trình đào tạo “Kỹ năng phản hồi trong đánh giá hiệu suất công việc” cho toàn bộ quản lý cấp trung và lãnh đạo cao cấp trên toàn quốc.
- Triển khai đào tạo nghiệp vụ tín dụng chuẩn hóa Omega cho cán bộ Ngân hàng Bán lẻ.
- Đào tạo qua E-Learning các chương trình về rủi ro hoạt động, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, an toàn thông tin... cho 10.000 cán bộ trên toàn hệ thống.
- Các chương trình kiểm tra trực tuyến về nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn cho hơn 5.500 lượt CBNV của Khối Vận hành, Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp.
- Phối hợp cùng các đơn vị truyền thông và thực hiện kiểm tra về các nội dung chiến lược ngân hàng. 90% CBNV đạt kết quả cao.

Tuyển dụng - Duy trì thương hiệu nhà tuyển dụng uy tín, hấp dẫn, thu hút nhiều nhân tài trên thị trường lao động

Xây dựng và quảng bá rộng rãi thương hiệu nhà tuyển dụng Maritime Bank song hành cùng việc nỗ lực tìm kiếm, bổ sung tài năng cho hàng ngũ nhân sự của Ngân hàng là hai nhiệm vụ luôn được ưu tiên của công tác tuyển dụng trong suốt năm 2016.

Với định vị là nhà tuyển dụng đồng hành cùng sinh viên, Maritime Bank đã tài trợ cho 4 cuộc thi lớn với hơn 3.000 thí sinh và tham gia 6 hội thảo đào tạo sinh viên tại các trường đại học trên cả nước. Ở những sự kiện này, không chỉ hỗ trợ về tài chính, Maritime Bank còn chia sẻ về kỹ năng, kiến thức, nhiệm vụ và lộ trình phát triển nghề nghiệp của những người làm ngành ngân hàng để góp phần xây dựng một lực lượng những người làm ngành ngân hàng mới.

Năm 2016 cũng là một năm đánh dấu mốc quan trọng trong chiến lược tìm kiếm tài năng của Maritime Bank với việc chính thức triển khai tuyển chọn thành công Quản trị viên tài năng theo một mô hình mới, phục vụ nhu cầu nhân sự chuyên biệt của từng ngân hàng chuyên doanh và khối/ban hỗ trợ trong tầm nhìn 5 năm tới. Chương trình giới thiệu đã thu hút hơn 6.000 sinh viên tham dự, 1.300 hồ sơ ứng tuyển. Qua 6 vòng tuyển chọn nghiêm ngặt, Maritime Bank đã tìm được 38 gương mặt trở thành Quản trị viên tài năng khóa 6.

Gia tăng tính gắn kết của CBNV

Bên cạnh công việc, Maritime Bank thường xuyên duy trì các hoạt động chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần của CBNV như: Chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện cho CBNV Maritime Bank – Maritime Bank care; Tổ chức các hoạt động tập thể nhằm gia tăng sự gắn kết; Khuyến khích và khen thưởng con em CBNV có thành tích học tập tốt. Công tác Công đoàn cũng được chú trọng với những hỗ trợ, chia sẻ kịp thời đối với những CBNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Định hướng hoạt động công tác nhân sự trong năm 2017

Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 là xây dựng công tác nhân sự theo chuẩn quốc tế thông qua việc triển khai dự án Hệ thống thông tin nhân sự (HRIS) trên nền tảng công nghệ mới nhất. Dự án được triển khai thành công sẽ cung cấp dịch vụ nhân sự chủ động tới từng CBNV, giảm thiểu thao tác thủ công, tập trung hóa và chuẩn mực hóa

dữ liệu, giúp công tác nhân sự tinh gọn để dành nguồn lực cho nhiệm vụ phân tích, tư vấn, hỗ trợ tốt hơn cho chiến lược kinh doanh của Ngân hàng.

Trong năm 2017 và những năm tiếp theo, công tác nhân sự cũng sẽ kế thừa và tiếp tục phát huy, triển khai những hoạt động nâng cao hiệu quả hoạt động nói chung và hiệu suất làm việc của từng cá nhân nói riêng, xây dựng tốt văn hóa doanh nghiệp.

Với đội ngũ nhân sự hiện tại, thấm nhuần và truyền tải tinh thần “Làm đúng, làm đủ, làm đến cùng”, “Toàn tâm, toàn ý, mục tiêu chung”, chúng tôi tin tưởng nguồn nhân lực sẽ tiếp tục là lợi thế cạnh tranh quan trọng, mang lại những bước tiến lớn cho Ngân hàng trong những năm sắp tới.



BEST BANK AWARD 2017



GLOBAL
FINANCE

Maritime Bank
Vietnam

Maritime Bank
Vietnam

GIẢI THƯỞNG & DANH HIỆU



Giải thưởng
**“Ngân hàng Thương mại
tốt nhất Việt Nam 2016”**
từ Tạp chí International Finance



Giải thưởng
**“Ngân hàng cung cấp
dịch vụ ngoại hối tốt
nhất Việt Nam 2016”**
từ Asian Banking
& Finance



Giải thưởng
**“Top 100 sản phẩm dịch
vụ tốt nhất cho gia đình
và trẻ em năm 2016”**
do Bộ Lao động Thương binh và
Xã hội kết hợp với Bảo Lao động
và Xã hội cùng tạp chí Gia đình và
Trẻ em bình chọn



Giải thưởng
**“Elite Quality
Recognition Awards
2016”**
từ Ngân hàng JP Morgan trao
tặng dành cho tổ chức có năng
lực triển khai nghiệp vụ chuyển
tiền tốt nhất.



Danh hiệu
**“TOP 3 ngân hàng có
tổng doanh số chỉ tiêu
qua thẻ thanh toán
quốc tế cao nhất
năm 2015 - 2016
khu vực Đông Dương”**
từ MasterCard



Danh hiệu
**“Ngân hàng có các hoạt
động thúc đẩy chỉ tiêu
thẻ quốc tế hiệu quả
nhất năm 2016”**
từ MasterCard



Giải thưởng
**“Nhà tạo lập thị trường
có khối lượng giao dịch
nhiều nhất năm 2016”**
từ Hiệp hội thị trường trái phiếu
Việt Nam (VBMA)



Giải thưởng
**“Nhà tạo lập thị trường
có giá chào mua bán tốt
thứ hai năm 2016”**
từ Hiệp hội thị trường trái phiếu
Việt Nam (VBMA)



CÙNG CỘNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại Maritime Bank (MSB), chúng tôi tin rằng doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững khi cộng đồng sung túc, thịnh vượng. Vì vậy, song song với mục tiêu kinh doanh, Ngân hàng luôn đề cao việc thực hiện trách nhiệm xã hội với mong muốn đem lại những tác động tích cực cho cộng đồng. Từ nhiều năm qua, an sinh xã hội (ASXH) đã trở thành hoạt động truyền thống của MSB. Những hoạt động ý nghĩa này không chỉ xuất phát từ định hướng chung của Ngân hàng mà còn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình và sẵn sàng sẻ chia của toàn thể CBNV.

Tập trung vào 3 lĩnh vực chính là y tế, giáo dục và phát triển nông nghiệp, nông thôn; hàng năm, các chương trình ASXH được Ngân hàng đầu tư kinh phí lớn và lên kế hoạch triển khai tại tất cả các địa phương trên toàn quốc. Năm 2016, Ngân hàng đã dành gần 9 tỷ đồng cho việc triển khai nhiều hoạt động mang ý nghĩa thiết thực:

- Hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại nặng nề do trận lũ tháng 10/2016 tại Hà Tĩnh và Quảng Bình gần 3 tỷ đồng bao gồm: Tiến hành cải tạo, sửa chữa 2 trường học bị hư hỏng nặng và tài trợ xe cứu thương cho huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; đầu tư trang thiết bị trường học tại Quảng Bình... với mong muốn sẽ chia phần nào những mất mát, khó khăn mà người dân vùng lũ phải gánh chịu.
- Trao học bổng 1 tỷ đồng cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp 1/6 và Tết Trung thu tại hơn 40 trường học thuộc 14 tỉnh thành; tài trợ 3 tỷ đồng xây trường học tại Phú Thọ và Quảng Bình. Đây là chương trình định kỳ được MSB triển khai từ nhiều năm nay tại tất cả các địa phương nhằm động viên tinh thần học tập, chấp cánh tương lai cho những mầm non của đất nước.
- Tài trợ 40 máy thông tin liên lạc cho bà con ngư dân tại Phú Yên và Nam Định; tài trợ chi phí 1 tỷ đồng xây trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn - Bình Định; 200 triệu đồng xây dựng nghĩa trang liệt sĩ Quảng Nam, phối hợp Quỹ Hỗ trợ người nghèo vượt khó tặng quà cho bà con nghèo đồng bằng sông Cửu Long đón Tết ...

Tất cả các chương trình này đều có hiệu ứng lan tỏa lớn và đã phần

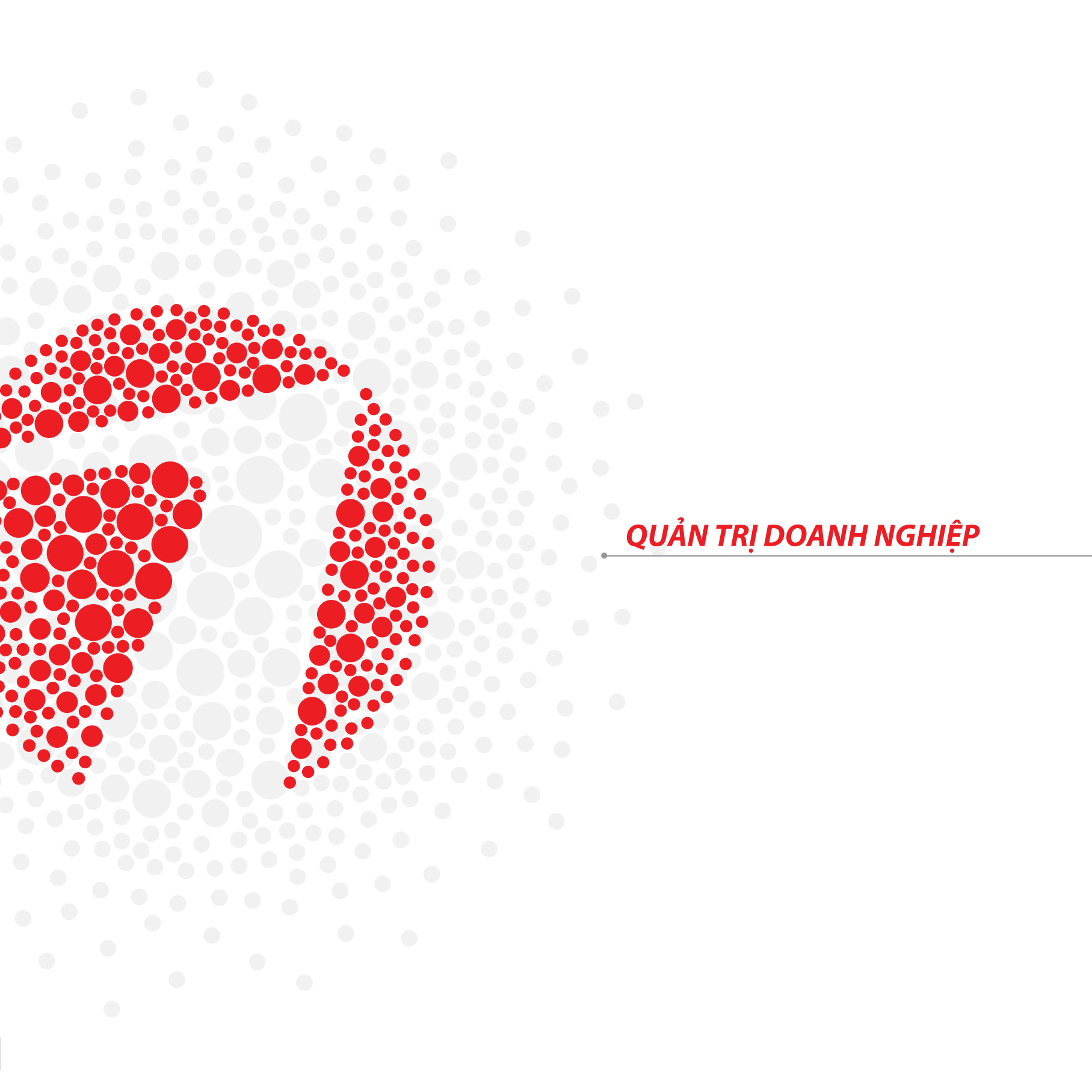
nào góp phần cải thiện được chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Là một trong 7 giá trị cốt lõi mà Ngân hàng đang theo đuổi, Trách nhiệm Cộng đồng đối với MSB không chỉ được hiểu là các hoạt động ASXH mà còn là việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đảm bảo cho sự phát triển của CBNV; cung cấp những sản phẩm dịch vụ hữu ích cho khách hàng và đặc biệt, cam kết mọi hoạt động tại địa bàn không vì lợi nhuận mà gây ảnh hưởng tiêu cực tới cộng đồng. MSB tự hào có đội ngũ CBNV luôn sẵn sàng sẻ chia với đồng nghiệp, mỗi hoàn cảnh khó khăn nêu lên đều nhận được sự ủng hộ của lãnh đạo và CBNV trên toàn hệ thống. Truyền thống tốt đẹp đó đã góp phần tạo nên nét văn hóa Cởi mở - Đoàn kết tại MSB chúng tôi.

Nhằm hỗ trợ tốt hơn cho cộng đồng, MSB cũng đã thành lập Ngân hàng cộng đồng (NHCD) để đáp ứng kịp thời các nhu cầu về tài chính cho số đông những người có thu nhập trung bình và thấp, cán bộ hưu trí, nông dân, công nhân... với các sản phẩm, dịch vụ đặc thù phù hợp.

Những đóng góp của MSB nhiều năm qua đã để lại những dấu ấn tích cực đối với công chúng, tăng cường uy tín, lòng tin của khách hàng, đối tác, cổ đông và niềm tự hào của toàn thể CBNV về một MSB thân thiện, có trách nhiệm. Trong tương lai, MSB cam kết sẽ tiếp tục song hành cùng cộng đồng, đẩy mạnh thực hiện các hoạt động xã hội để góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam đồng thời xây dựng một Ngân hàng phát triển ổn định, bền vững.

**GẦN 09 TỶ ĐỒNG
ĐẦU TƯ CHO
AN SINH XÃ HỘI
NĂM 2016**



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Hướng tới mục tiêu trở thành “Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam”, Maritime Bank xác định phát triển bền vững dựa trên lợi thế cạnh tranh và mang đến cho khách hàng trải nghiệm tốt nhất trong tất cả các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng. Lợi thế cạnh tranh của Maritime Bank được hình thành từ các yếu tố cốt lõi bao gồm: hệ thống mạng lưới bao phủ rộng, tiềm lực tài chính tốt, môi trường, văn hoá làm việc thân thiện, gắn kết. Trong đó, cơ cấu tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai thành công các lợi thế này.

Cụ thể, nhằm triển khai hiệu quả chiến lược hoạt động của ngân hàng, tổ chức bộ máy của Maritime Bank được xây dựng bao gồm cấp quản trị và điều hành để đảm bảo thực thi tốt các mục tiêu chiến lược.

Về bộ máy quản trị, đứng đầu là Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Maritime Bank, hoạt động thông qua các phiên họp thường niên và bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cấp quản trị dưới Đại

hội đồng Cổ đông là Hội đồng Quản trị, với các Ủy ban trực thuộc bao gồm:

- Ủy ban Tín dụng và Đầu tư
- Ủy ban Xử lý rủi ro
- Ủy ban Quản lý rủi ro và Kiểm toán
- Ủy ban Nhân sự
- Ủy ban Chiến lược
- Ban Kiểm soát (với bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc).



Về bộ máy điều hành, đứng đầu là Tổng Giám đốc Maritime Bank, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng điều hành trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng với 06 Ngân hàng chuyên doanh và 08 Khối/Ban hỗ trợ.

Với cơ cấu tổ chức theo chiều dọc, các Ngân hàng chuyên doanh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện hoạt động kinh doanh đối với một phân khúc khách hàng mục tiêu, trên cơ sở triển khai chiến lược kinh doanh chung của Maritime Bank. Mỗi Ngân hàng chuyên doanh được xây dựng bao gồm các bộ phận nghiệp vụ về phát triển sản phẩm, bán hàng và quản lý kinh doanh, nhằm cung cấp các giải pháp, sản phẩm dịch vụ chuyên biệt và phù hợp nhất theo nhu cầu của khách hàng. Việc phân chia hoạt động kinh doanh theo các Ngân hàng chuyên doanh giúp Maritime Bank đảm bảo được chất lượng phục vụ tốt nhất cho từng phân khúc khách hàng cũng như định vị khẩu vị rủi ro phù hợp với phân khúc đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh theo từng mũi nhọn đã xác định. Các Ngân hàng chuyên doanh bao gồm:

- Ngân hàng Định chế tài chính phục vụ khách hàng định chế, tổ chức tài chính
- Ngân hàng Doanh nghiệp lớn phục vụ khách hàng doanh nghiệp vừa và lớn
- Ngân hàng Doanh nghiệp phục vụ khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Ngân hàng Bán lẻ và Ngân hàng Cộng đồng phục vụ các khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh
- Ngân hàng Quản lý tín dụng quản lý nhóm khách hàng nợ rủi ro

Các hoạt động hỗ trợ và vận hành được thực hiện bởi 08 Khối/Ban hỗ trợ nhằm đảm bảo vận hành liên tục ổn định của Ngân hàng và phục vụ hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng chuyên doanh, nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược chung của toàn hàng.

Để tiếp cận và phục vụ khách hàng trên toàn quốc, Maritime Bank phân bổ mạng lưới 270 điểm giao dịch gồm: 62 chi nhánh, 157 phòng giao dịch và 51 quỹ tiết kiệm tại 38 tỉnh/thành phố. Mạng lưới các điểm giao dịch của Maritime Bank được thiết kế để triển khai các chiến lược kinh doanh của các Ngân hàng chuyên doanh theo chiều dọc và tối ưu hóa hoạt động hỗ trợ của các Khối/Ban hỗ trợ tại địa

bàn theo chiều ngang dưới sự quản lý của ban lãnh đạo của điểm giao dịch tại địa bàn. Tùy theo phân tích tiềm năng thị trường tương ứng với từng phân khúc khách hàng mục tiêu và tối ưu hóa hoạt động quản lý kinh doanh theo vùng/miền/khu vực mà mỗi điểm giao dịch sẽ có sự hiện diện của các Ngân hàng chuyên doanh nhằm khai thác tốt nhất tiềm năng thị trường và cung cấp dịch vụ phù hợp nhất cho khách hàng tại địa bàn. Thiết kế mạng lưới theo mô hình quản lý đan xen chiều dọc và chiều ngang như trên nhằm đảm bảo việc triển khai kinh doanh được đồng nhất và tập trung đối với từng phân khúc khách hàng, tối ưu hóa sự hiện diện của điểm giao dịch tại địa bàn cũng như đảm bảo được chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Hệ thống mạng lưới điểm giao dịch liên tục được rà soát đánh giá hiệu quả hoạt động để có sự điều chỉnh kịp thời nhằm đạt được kết quả kinh doanh đề ra.

Cơ cấu tổ chức chỉ phát huy tối đa hiệu quả nếu đi cùng với chất lượng nhân sự, đặc biệt là đội ngũ nhân sự cấp cao thuộc các bộ máy quản trị và điều hành đóng vai trò chính yếu trong hoạch định chiến lược và vận hành hoạt động của Ngân hàng. Theo tinh thần nhân sự đóng vai trò quyết định sự thành công của chiến lược hoạt động, các thành viên trong bộ máy quản trị và điều hành của Maritime Bank đều là các lãnh đạo và chuyên gia cao cấp với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đã từng làm việc tại thị trường trong nước và quốc tế, chuyên môn cao và nhiệt huyết, đảm bảo đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo pháp luật. Đồng thời, Maritime Bank liên tục triển khai các hoạt động đào tạo, xây dựng đội ngũ kế cận có chất lượng để nâng cao dần chất lượng nhân sự ở các cấp triển khai.

Bên cạnh đó, công tác kiểm soát hoạt động được thực hiện độc lập bởi Ban Kiểm soát thông qua bộ phận Kiểm toán nội bộ đảm bảo việc vận hành theo đúng các quy định đặt ra, phát hiện, phòng tránh và xử lý các rủi ro cũng như sai phạm có thể phát sinh trong quá trình hoạt động.

Mô hình tổ chức các cấp cùng với nhân sự chất lượng cao và hệ thống kiểm soát chặt chẽ đã và đang tạo nên nền tảng vững mạnh cho Maritime Bank trong việc triển khai chiến lược phát triển theo định hướng đã đề ra nhằm trở thành Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam.



62 chi
nhánh



157 phòng
giao dịch



51 quỹ
tiết kiệm



38 tỉnh/
thành phố

**HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ**

**Ông Trần Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA), ĐH Griggs, Hoa Kỳ.

Ông Trần Anh Tuấn tham gia quản trị và điều hành Maritime Bank từ năm 2007 với các chức danh: Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD). Từ tháng 2/2012 đến nay, ông giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Maritime Bank, Chủ tịch (CT) Ủy ban Chiến lược, CT Ủy ban Quản lý Rủi ro & Kiểm toán, CT Ủy ban Tín dụng & Đầu tư, CT Ủy ban Xử lý Rủi ro.

**Ông Vũ Đức Nhuận - Thành viên HĐQT**

Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, ĐH Quốc gia Hà Nội.

Ông Vũ Đức Nhuận đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và giữ vai trò lãnh đạo cấp cao tại VIB, Bảo Việt Bank và Maritime Bank. Từ tháng 5/2015 đến nay, ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT Maritime Bank..

**Bà Dương Hồng Loan - Thành viên độc lập HĐQT**

Cử nhân Kinh tế, ĐH Tài chính Kế toán; Bằng Cao cấp Chính trị.

Bà Dương Hồng Loan từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao như: Từ 1998 – 2010: PGĐ, sau đó là GD kiểm Bí thư Chi bộ Công ty Tài chính Dệt May VN; Từ 2010 – 2015: PCT Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam. Từ tháng 5/2015 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên HĐQT Độc lập Maritime Bank.

**Ông Trần Xuân Quảng - Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT**

Thạc sỹ QTKD, ĐH chuyên ngành Nam California, Hoa Kỳ; Cử nhân KTNH, ĐH Kinh tế quốc dân HN.

Tại Maritime Bank, ông Trần Xuân Quảng từng đảm nhiệm các vị trí: Phó GD phụ trách Nguồn vốn & KHCN, GD Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng GD kiêm GD Khối Quản lý Chiến lược, GD Khối Quản lý Rủi ro, PTGD Thường trực. Từ tháng 11/2013, ông giữ chức vụ Phó Tổng GD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp. Tại ĐHĐCĐ thường niên Maritime Bank tổ chức tháng 4/2016, ông được bầu vào HĐQT và được HĐQT giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch Thường trực. Ông cũng đã có thời gian tham gia Bảo Việt Bank với vị trí lãnh đạo cấp cao như: PTGD, GD Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, GD Khối Ngân hàng Bán lẻ.

**Ông Huỳnh Bửu Quang - Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ĐH Hawaii, Mỹ.

Ông Huỳnh Bửu Quang có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và nắm giữ những vị trí cấp cao của Tập đoàn HSBC như: GD Khu vực Châu Á Thái Bình Dương phụ trách khối DV thanh toán quốc tế và tài trợ chuỗi cung ứng của 9 nước ở khu vực; GD Điều hành NHTM của Tập đoàn HSBC tại Indonesia. Từ tháng 10/2015, ông giữ chức vụ TGD Maritime Bank. Từ ĐHĐCĐ thường niên Maritime Bank tổ chức tháng 4/2016, ông được bầu là Thành viên HĐQT Maritime Bank kiêm TGD Ngân hàng.

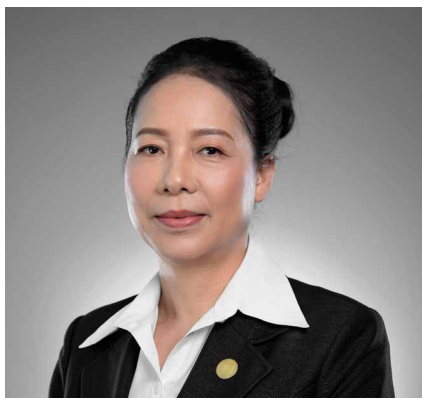
**Ông Nguyễn Đức Hoàn - Thành viên HĐQT**

Thạc sỹ Tài chính, ĐH Westminster; Thạc sỹ QTKD, ĐH Leicertester, UK.

Ông Nguyễn Đức Hoàn có gần 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính. Được đào tạo bài bản tại nước ngoài, ông đã có 8 năm làm việc cho một số định chế tài chính như: NH Loyd TSB, NH Barclays tại Luân Đôn (Anh) và 4 năm công tác tại Ngân hàng Định chế tài chính Maritime Bank. Tháng 1/2013, ông được bổ nhiệm làm TGD kiêm TV HĐQT Cty CP Quản lý Quỹ Tín Phát. Tháng 1/2014, ông trở thành TV HĐQT của Cty CP Chứng khoán Maritime (MSI). Tháng 2/2016, ông kiêm giữ thêm vị trí PTGD của MSI. Tại ĐHĐCĐ thường niên Maritime Bank tổ chức tháng 4/2016, ông được bầu là Thành viên HĐQT Độc lập Maritime Bank.



**BAN KIỂM
SOÁT**



Bà Phạm Thị Thành - Trưởng Ban Kiểm soát
Thạc sỹ Kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Bà Phạm Thị Thành từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Hà Tây (cũ); Phó Vụ trưởng Vụ Tổng Kiểm soát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Bà gia nhập Maritime Bank từ tháng 04/2009 với vai trò Thành viên Ban Kiểm soát. Từ tháng 09/2009 đến nay, bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Maritime Bank.



Bà Chu Thị Đàm - Thành viên Ban Kiểm soát
Thạc sỹ Kinh tế Tài chính Ngân hàng, Học viện Tài chính.

Bà Chu Thị Đàm có 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. Bà gia nhập Maritime Bank từ tháng 9/2008 và từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng Phòng Kiểm toán Nội bộ, Chủ nhiệm Kiểm toán Tín dụng, Kiểm toán nội bộ Maritime Bank. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Maritime Bank.



Bà Lê Thanh Hà - Thành viên Ban Kiểm soát
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, ĐH Griggs, Hoa Kỳ.

Bà Lê Thanh Hà gia nhập Maritime Bank từ năm 1991 và đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các bộ phận Kế toán, Dịch vụ khách hàng, Quản lý vốn, Đầu tư và Kinh doanh ngoại tệ, PGĐ Khối Thị trường Tài chính – Ngân hàng Định chế Tài chính. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Maritime Bank.

**HỘI ĐỒNG
ĐIỀU HÀNH**



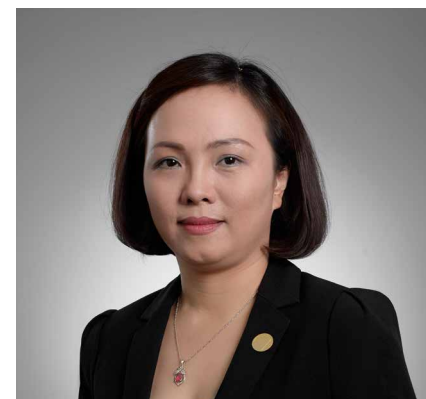
Ông Huỳnh Bửu Quang – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ĐH Hawaii, Mỹ.

Ông Huỳnh Bửu Quang có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và nắm giữ những vị trí cấp cao của Tập đoàn HSBC như: GD Khu vực Châu Á Thái Bình Dương phụ trách khối DV thanh toán quốc tế và tài trợ chuỗi cung ứng của 9 nước ở khu vực; GD Điều hành NHTM của Tập đoàn HSBC tại Indonesia. Từ tháng 10/2015, ông giữ chức vụ TGD Maritime Bank. Từ ĐHCĐ thường niên Maritime Bank tổ chức tháng 4/2016, ông được bầu là Thành viên HĐQT Maritime Bank kiêm TGD Ngân hàng.



Bà Nguyễn Hương Loan - Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank, Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ĐH Sorbonne Paris 1.

Bà Nguyễn Hương Loan gia nhập Maritime Bank năm 2009 với vai trò PTGD phụ trách Khối Nguồn vốn; PTGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn & Định chế Tài chính kiêm GD Khối Thị trường Tài chính. Hiện tại, bà giữ chức vụ PTGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Định chế Tài chính.



Bà Đặng Tuyết Dung - Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank, Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ
Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, ĐH Kinh tế Quốc dân.

Bà Đặng Tuyết Dung từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như: GD Giao dịch Tiền tệ & Tài trợ Thương mại; GD Triển khai dịch vụ ngân hàng giao dịch toàn cầu tại Citibank; GD Ngân hàng bán lẻ, GD Ngân hàng bán buôn tại Techcombank. Từ tháng 12/2014, bà giữ chức vụ PTGD Maritime Bank kiêm TGD Ngân hàng Bán lẻ.



Ông Nguyễn Thế Minh - Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank, Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, ĐH ESCP và Paris Dauphine, Pháp.

Ông Nguyễn Thế Minh có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng uy tín như: GD Khối MME, GD miền Bắc - HSBC Việt Nam; GD cao cấp Khối Doanh nghiệp & các dự án tài chính - Calyon Việt Nam... Từ tháng 4/2015 đến nay, ông giữ chức vụ PTGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn.



Ông Nguyễn Hoàng An - Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank, Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý Tín dụng
Cử nhân Kinh tế, Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng.

Ông Nguyễn Hoàng An gia nhập Maritime Bank từ năm 1992 và từng giữ các vị trí quan trọng như: GD Maritime Bank Thanh Xuân, GD Maritime Bank Hà Nội, PTGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn & Định chế Tài chính, GD Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn, PTGD Maritime Bank kiêm TGD Ngân hàng Doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4/2015 đến nay, ông giữ chức vụ PTGD Maritime Bank, TGD Ngân hàng Quản lý Tín dụng.



Ông Lê Quang Vu - Tổng Giám đốc Ngân hàng Cộng đồng
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Trường Quản trị Kinh doanh Maastricht.

Ông Lê Quang Vu đã có hơn 10 năm kinh nghiệm quản lý cấp cao tại ngành hàng tiêu dùng, bán lẻ như: Viễn thông A, Metro Cash & Carry, Castrol, Unza và Unilever. Ông cũng từng giữ chức vụ quan trọng trong các tổ chức tài chính như: GD Khối Ngân hàng Phát triển Mê Kông, GD Sale & Marketing SGVF. Ông gia nhập Maritime Bank năm 2012 với vai trò Trưởng ban Trù bị thành lập Ngân hàng Thị trường Đại chúng, TGD Ngân hàng Đại chúng. Từ tháng 09/2014, ông giữ chức vụ TGD Ngân hàng Cộng đồng.



Ông Lê Đăng Khoa - Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp
Cử nhân Kinh tế, ĐH Ngân hàng Tp. HCM.

Ông Lê Đăng Khoa có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức tài chính – ngân hàng uy tín như: PwC Việt Nam, UOB Việt Nam, HSBC Việt Nam và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại HSBC Việt Nam như: GD toàn quốc Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ; GD cao cấp phát triển kinh doanh Khối Doanh nghiệp lớn. Từ tháng 3/2016 đến nay, ông gia nhập Maritime Bank với vai trò Quyền TGD Ngân hàng Doanh nghiệp.



Ông Nguyễn Phi Hùng - Phó Tổng Giám đốc Maritime Bank, Giám đốc Khối Vận hành
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Viện Công nghệ Châu Á – AIT.

Ông Nguyễn Phi Hùng từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại PG Bank, GP Bank, Citibank Hà Nội như: GD Khối Vận hành, GD Phát triển Khách hàng SME, GD Dự án, Trưởng phòng Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại, Trưởng phòng phụ trách Giao dịch ngân quỹ. Ông gia nhập Maritime Bank năm 2013 với cương vị GD Khối Công nghệ & Vận hành. Hiện tại, ông giữ chức vụ PTGD Maritime Bank kiêm GD Khối Vận hành.



Bà Đinh Thị Tố Uyên - Giám đốc Khối Marketing & Truyền thông
Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh.

Bà Đinh Thị Tố Uyên đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing & Truyền thông với các vị trí như: GD Marketing và Thương hiệu Techcombank; GD Marketing & Phát triển Kinh doanh British Petroleum; Trưởng Phòng Marketing Shell Gas Vietnam... Từ tháng 5/2015 đến nay, bà giữ chức vụ GD Khối Marketing & Truyền thông Maritime Bank.



Ông Nilesh Banglorewala - Giám đốc Khối Quản lý Tài chính
Cử nhân Thương mại và Kế toán Công chứng.

Ông Nilesh Banglorewala có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng lớn như: HSBC, Standard Chartered Bank, Scotia Capital khu vực Châu Á, Trung Cận Đông và Bắc Mỹ với rất nhiều vị trí khác nhau như: GD Vùng Quản lý Tài chính, GD Tài chính. Ông gia nhập Maritime Bank từ tháng 7/2011 đến tháng 6/2014. Tháng 09/2015, ông trở lại Maritime Bank và giữ chức vụ GD Khối Quản lý Tài chính Maritime Bank.



Bà Nguyễn Thu Trang - Giám đốc Nhân sự
Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Bà Nguyễn Thu Trang gia nhập Maritime Bank từ năm 2008 và từng đảm trách những vị trí quan trọng như: Phó Trưởng ban Trợ lý Tổng Giám đốc, Phó Chánh văn phòng Hội đồng Điều hành, GD Nhân sự Maritime Bank kiêm Chánh Văn phòng. Từ tháng 5/2015 đến nay, bà giữ chức vụ GD Nhân sự Maritime Bank.



Ông Bùi Quốc Khánh - Giám đốc Công nghệ
Thạc sỹ Hệ thống Thông tin, ĐH Queensland, Australia.

Ông Bùi Quốc Khánh đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin với các vị trí như: Phó Phòng Điện Toán Techcombank, GD Khối Công nghệ VIB, GD Khối Công nghệ Thông tin Bảo Việt Bank, PTGD phụ trách Công nghệ Thông tin và Ngân hàng Điện tử Ngân hàng TMCP Quốc Dân... Tháng 3/2015, ông gia nhập Maritime Bank và được bổ nhiệm chức vụ GD Công nghệ Maritime Bank.



Ông Bede Pohlen - Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro
Cử nhân Thương mại, chuyên ngành Kế toán và Luật
Thương mại, ĐH Auckland, New Zealand.

Ông Bede Pohlen có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại các tập đoàn tài chính và ngân hàng quốc tế. Trong suốt sự nghiệp của mình, ông Bede đã làm việc tại nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm: New Zealand, Anh, Philippines, Hồng Kông, Oman và Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất. Trước khi làm việc tại Maritime Bank, ông đã từng giữ nhiều vị trí quản lý cấp cao như: GD Phục hồi Tài chính Doanh nghiệp và GD phụ trách các DV Tài chính DN KPMG Luân Đôn và Hồng Kông, GD Quan hệ KH – Khối Phục Hồi Tài Chính DN HSBC Hồng Kông, PCT Khối Phục hồi Tài chính Doanh nghiệp và sau đó là PCT Cao cấp kiêm GD Quản lý Rủi ro và Tín dụng HSBC – Philippines, GD Doanh nghiệp Toàn cầu tại NH Định chế HSBC – Luân Đôn, GD Tín dụng & Rủi ro HSBC – Oman, GD Quản lý Rủi ro tại NH Ả Rập và PTGD kiêm GD Quản lý Rủi ro tại Tập đoàn Tài chính Gulf - các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất.

QUẢN LÝ RỦI RO VỮNG CHẮC – HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ VÀ BỀN VỮNG

Với định hướng phát triển hợp lý và bền vững, Maritime Bank tin tưởng vào việc quản lý rủi ro mang tính cầu thị, chủ động, cân bằng và độc lập. Khung quản lý rủi ro của Ngân hàng được xác định dựa trên mô hình ba tuyến phòng thủ, theo đó: đội ngũ nhân viên kinh doanh và ban lãnh đạo (tuyến đầu tiên) phải chịu trách nhiệm về rủi ro, trong khi đó Khối Quản lý rủi ro và các chức năng kiểm soát khác (tuyến phòng thủ thứ hai) chịu trách nhiệm giám sát độc lập và đặt ra các thử thách mang tính khách quan cho tuyến phòng thủ đầu tiên, cũng như theo dõi và kiểm soát rủi ro; phòng Kiểm toán Nội bộ (tuyến thứ ba) có trách nhiệm đảm bảo rằng tuyến phòng thủ đầu tiên và thứ hai hoàn thành được các mục tiêu kiểm soát.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là tổn thất gây ra do người vay vốn hoặc đối tác không thực hiện các nghĩa vụ tài chính hoặc cam kết trong hợp đồng với Ngân hàng.

Năm 2016, Maritime Bank chủ động quản lý rủi ro tín dụng trên cả góc độ toàn danh mục cũng như tại từng phân khúc khách hàng và ngành. Đặc biệt chú trọng tới công tác quản lý các khoản nợ rủi ro, nợ có vấn đề và các khoản nợ cần chú ý. Kết quả là tỷ lệ nợ xấu luôn ở mức dưới 3% theo quy định của NHNN. Khối Quản lý rủi ro đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các ngân hàng chuyên doanh nhằm chuẩn hóa các danh mục tín dụng, từ đó đưa ra biện pháp nâng cao chất lượng tín dụng, giảm thiểu nợ xấu, tối đa lợi nhuận cho Ngân hàng.

Tại Maritime Bank, tất cả các chính sách tín dụng được xem xét và phê duyệt bởi Ủy ban Quản lý rủi ro và Kiểm toán. Hầu hết các khoản vay đều được đảm bảo bằng những loại hình tài sản đảm bảo được chấp nhận để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Nỗ lực giảm thiểu rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua việc đa dạng hóa các loại tài sản theo phân khúc khách hàng và ngành nghề kinh tế.

Trong năm 2016, hàng loạt các công cụ và mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ được rà soát, nâng cấp cho các Ngân hàng chuyên doanh. Các công cụ, hệ thống quản lý hạn mức và cảnh báo sớm (Early Warning), các hệ thống báo cáo cũng được nâng cấp và hoàn thiện hơn cho các Ngân hàng chuyên doanh, nhằm nhận dạng phát hiện sớm các khoản nợ tiềm ẩn rủi ro, từ đó giúp Ngân hàng có các hành động phòng ngừa kịp thời. Maritime Bank cũng tiếp tục thực hiện việc phân tích ngành kinh tế định kỳ để đảm bảo các giới hạn chịu đựng phù hợp được áp dụng tại mọi thời điểm.

Công tác quản trị rủi ro tín dụng sẽ tiếp tục là trọng tâm chính trong năm 2017. Tuyên bố Khẩu vị rủi ro đã được xây dựng với nội dung phù hợp với ngân sách của Ngân hàng trong năm 2017. Song song với công tác vận hành danh mục, các chính sách tín dụng sẽ tiếp tục được rà soát định kỳ. Các công cụ, mô hình xếp hạng, hệ thống quản lý hạn mức và tài sản đảm bảo, hệ thống cảnh báo sớm sẽ tiếp tục được rà

soát và nâng cấp, nhằm đảm bảo Maritime Bank luôn sẵn sàng với những thay đổi. Hệ thống khởi tạo cho vay và hệ thống thu hồi nợ cũng dự kiến được triển khai.

Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro tổn thất do sự thay đổi của giá cả và tỷ giá thị trường (bao gồm lãi suất, biên độ tín dụng, giá cổ phiếu, tỷ giá hối đoái và giá cả hàng hóa), mối tương quan giữa chúng và mức độ biến động của chúng.

Tại Maritime Bank, mục tiêu hàng đầu của Quản lý rủi ro thị trường là xác định và triển khai các chính sách và quy trình quản lý rủi ro thị trường, phát triển năng lực kiểm soát và giám sát hạn mức rủi ro thị trường toàn diện dưới định hướng của ALCO, thực hiện kiểm tra sức chịu đựng và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý.

Trong năm 2016, Bộ phận Quản lý rủi ro thị trường tập trung nâng cấp hệ thống văn bản chính sách, hạn mức quản lý rủi ro thị trường và khai thác trực tiếp kết quả báo cáo giám sát từ hệ thống tự động Kondor+. Các quy định chính về quản lý và giám sát rủi ro thị trường đã được sửa đổi nhằm đáp ứng sự thay đổi của Khung Quản lý rủi ro về tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực Basel II. Các hạn mức rủi ro mới được áp dụng cho hoạt động kinh doanh trái phiếu và hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh, trong khi cơ chế giám sát và cơ chế quản lý trạng thái ngoại tệ của các đơn vị kinh doanh đã được thay thế bởi hệ thống mới. Ngoài ra, phương án tác nghiệp nội bộ phòng ngừa khi có sự cố hệ thống dữ liệu bị lỗi đã được xây dựng nhằm đảm bảo tính liên tục của công tác giám sát và báo cáo rủi ro thị trường.

Năm 2017, Ngân hàng sẽ tiếp tục tăng cường Quản lý rủi ro thị trường thông qua tăng cường giám sát tự động và nâng cấp hệ thống báo cáo. Rủi ro thị trường sẽ tiếp tục đóng vai trò tiên phong trong việc xác định và quản lý rủi ro thị trường đối với các sản phẩm mới.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Ngân hàng không thể thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với chi phí hợp lý khi đến hạn. Nghĩa vụ



tài chính bao gồm các khoản nợ đối với người gửi tiền, các khoản thanh toán đến hạn theo hợp đồng phái sinh, thanh toán các giao dịch mượn và mua lại chứng khoán, cho vay và cam kết đầu tư. Tài sản lưu động là một phần quan trọng trong quản lý thanh khoản và Ngân hàng nắm giữ các loại tài sản này với số lượng đủ để đáp ứng nhu cầu về quản lý thanh khoản.

Hội đồng quản lý tài sản nợ có ("ALCO") đưa ra định hướng chiến lược trong công tác quản lý rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh khoản và rủi ro nguồn vốn, đưa ra các quyết định về danh mục đầu tư và kinh doanh và quản lý vốn. Ủy ban tổ chức họp hàng tháng, hoặc thường xuyên hơn tùy từng trường hợp.

Năm 2016, hệ thống thông tin quản lý và báo cáo thanh khoản đã được nâng cấp nhằm tuân thủ các quy định mới của NHNN.

Năm 2017 sẽ tiếp tục duy trì tài sản thanh khoản cao để đảm bảo cho các tình huống cần thiết, duy trì cấu trúc huy động bền vững và giảm thiểu mức độ rủi ro tập trung về kỳ hạn và đối tượng huy động.

Basel II

Maritime Bank là một trong 10 ngân hàng được NHNN lựa chọn tiên phong trong việc triển khai chương trình tuân thủ Basel II. Trong năm 2016, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban Chỉ đạo dự án Basel II

(với thành viên là các lãnh đạo cấp cao thuộc Hội đồng Quản trị và Hội đồng Điều hành), Maritime Bank là một trong số ít các ngân hàng thành công trong việc xây dựng một công cụ đánh giá rủi ro để tính toán tự động tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng (CAR). Cho đến 31/12/2016, hệ số CAR của Ngân hàng luôn vượt xa so với yêu cầu quy định bởi NHNN.

Trong năm 2017, Maritime Bank sẽ tập trung cải thiện văn bản, quy trình và chính sách, tiến tới tuân thủ toàn diện Thông tư 41 của NHNN. Ngân hàng cũng chú trọng cải thiện chất lượng dữ liệu và hệ thống, triển khai đào tạo và đưa khái niệm Basel II vào hoạt động hàng ngày.

Mô hình công cụ

Để phản ánh chính xác mức độ rủi ro của khách hàng, các mô hình đo lường rủi ro tín dụng của Maritime Bank thường xuyên được xây dựng, rà soát, hiệu chỉnh, nâng cấp. Bên cạnh việc rà soát hiệu quả các mô hình, Maritime Bank đã nâng cấp thành công mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ và phát triển mới mô hình hành vi cho sản phẩm Thẻ tín dụng cá nhân.

Năm 2017, Phòng Mô hình công cụ sẽ phát triển hệ thống đánh giá tập trung tự động cho Ngân hàng. Việc này không chỉ nâng cao hiệu quả và năng suất mà còn mang lại dịch vụ kịp thời hơn cho khách hàng của chúng ta, đồng thời hỗ trợ việc tuân thủ các tiêu chuẩn Basel II.

Quản lý rủi ro Thẻ và Ngân hàng điện tử

Quản lý rủi ro hoạt động thẻ và ngân hàng điện tử (NHĐT) có trách nhiệm kiểm soát, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các rủi ro giao dịch gian lận giả mạo; cập nhật và kiểm soát tuân thủ các yêu cầu quy định của Hiệp hội thẻ, Ngân hàng Nhà nước về hoạt động thẻ và NHĐT, tổ chức thẻ quốc tế (TCTQT).

Các sáng kiến chính được thực hiện trong năm 2016 bao gồm: triển khai các hoạt động đào tạo định kỳ cho CBNV nhằm nâng cao nhận thức và từ đó giảm thiểu rủi ro/tổn thất do gian lận; nâng cấp hệ thống cảnh báo giao dịch thẻ, hướng tới giám sát gần thời gian thực (near realtime); thiết lập hệ thống cảnh báo giám sát giao dịch ngân hàng điện tử.

Trong năm 2017, Quản lý rủi ro Thẻ và Ngân hàng điện tử cũng sẽ tập trung vào việc củng cố, nâng cấp các quy tắc cảnh báo giao dịch có rủi ro cao để phù hợp với xu hướng các gian lận có thể xảy ra, tăng tỷ lệ phát hiện gian lận hiện tại, hướng tới giảm đáng kể số lượng các giao dịch gian lận phát sinh.

Quản lý rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro tổn thất, bất kể trực tiếp hoặc gián tiếp, mà Ngân hàng gặp phải do các quy trình hoặc hệ thống nội bộ không phù hợp hoặc gặp sự cố, sự cố con người, hoặc các sự kiện bên ngoài. Rủi ro này tồn tại ở các hình thức khác nhau trong mọi đơn vị kinh doanh và chức năng. Rủi ro hoạt động không chỉ gây ra các tổn thất về tài chính, mà còn dẫn đến chế tài xử phạt và gây tổn hại cho danh tiếng của Ngân hàng.

Ngân hàng đã xây dựng các chính sách, quy trình và phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo rủi ro hoạt động được xác định và quản lý hợp lý với sự kiểm soát hữu hiệu. Maritime Bank cũng có một cơ cấu quản trị và tổ chức nhằm cung cấp công tác giám sát có hiệu quả, trong số đó phải kể đến việc Phòng Quản lý rủi ro hoạt động đã thành công trong việc xây dựng khẩu vị rủi ro của đơn vị.

Ngân hàng rất thành công trong việc quản lý rủi ro hoạt động nhằm bảo vệ tài sản của khách hàng và bảo toàn giá trị cho cổ đông.

Các sáng kiến chính được thực hiện trong năm 2016 bao gồm: rà soát và cập nhật các chính sách, quy trình về quản lý rủi ro hoạt động; thành lập đội phòng chống gian lận tại các Ngân hàng chuyên doanh;

đào tạo nâng cao nhận thức về phát hiện và phòng chống gian lận cho nhân viên kinh doanh; củng cố quản lý an toàn thông tin; phát triển và nâng cấp phần mềm Quản lý rủi ro hoạt động.

Chúng tôi sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản lý rủi ro hoạt động vào năm 2017. Các mục tiêu chính bao gồm: giảm tổn thất rủi ro hoạt động xuống thấp hơn năm 2016, nâng cao nhận thức toàn hàng, tăng cường phát triển và đào tạo nhân sự.

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro không tuân thủ luật pháp và các quy định cũng như những thay đổi trong luật pháp và các quy định, gây ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng hoặc của khách hàng.

Năm 2016, nhận thức về Tuân thủ pháp lý đã được tăng cường trên phương diện toàn hàng và hiện là giá trị cốt lõi số 1 của Maritime Bank. Ngân hàng đã thực hiện thành công Giai đoạn I của dự án AML và KYC hiện đang được quản lý theo Luật pháp Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế.

Năm 2017, các sáng kiến then chốt bao gồm việc hoàn thành dự án AML, từ đó giúp giám sát giao dịch tự động.

Trọng tâm 2017

Nhằm tiếp tục phát triển Khung Quản lý rủi ro và công tác quản lý rủi ro, một số sáng kiến quan trọng đã được lên kế hoạch cho năm 2017 như sau:

- Triển khai hệ thống khởi tạo cho vay (LOS) nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả và năng suất, tăng tốc độ cho thị trường bằng cách tự động hóa luồng công việc và nhờ đó nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Triển khai hệ thống thu nợ nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất cũng như giảm thiểu nợ quá hạn/ chi phí rủi ro.
- Xây dựng và triển khai thực hiện Tuyên bố Khẩu vị rủi ro phù hợp với ngân sách năm 2017. Các hệ số đo lường khẩu vị rủi ro chính sẽ đảm bảo Ngân hàng luôn nằm trong giới hạn rủi ro thích hợp.
- Triển khai hệ thống đánh giá tập trung tự động cho tất cả khách hàng.

Các sáng kiến trên sẽ đảm bảo rằng Khối Quản lý rủi ro tiếp tục hỗ trợ hiệu quả trên góc độ rủi ro cho Ngân hàng để đạt được sự tăng trưởng bền vững.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “MSB”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của MSB tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MSB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng MSB sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “MSB”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 5 năm 2017.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của MSB liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của MSB. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 3(f)(v) của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, trong năm 2016, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể cho các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong năm 2015 theo Công văn số 9924/NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vấn đề này không ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2016 và có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh về việc Ngân hàng thực hiện giãn trích dự phòng cụ thể đối với một số khoản nợ và trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành theo Công văn số 1172/NHNN-TTGSNH.m ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-211/2



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2675-2014-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt và vàng	4	1.868.269	1.529.021
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	1.545.647	2.212.421
III. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	6	7.562.696	11.455.737
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		4.054.740	3.480.252
2. Cho vay các TCTD khác		3.618.251	8.085.210
3. Dự phòng rủi ro		(110.295)	(109.725)
IV. Chứng khoán kinh doanh	7	97.043	117.063
1. Chứng khoán kinh doanh		164.014	196.922
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(66.971)	(79.859)
VI. Cho vay khách hàng		34.666.848	27.490.168
1. Cho vay khách hàng	8	35.118.872	28.091.320
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(452.024)	(601.152)
VII. Hoạt động mua nợ	10	43.893	43.965
1. Mua nợ		44.616	49.863
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(723)	(5.898)
VIII. Chứng khoán đầu tư	11	32.501.854	48.901.341
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		24.558.953	39.092.073
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		8.873.669	10.283.551
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(930.768)	(474.283)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	9.251	9.251
1. Đầu tư dài hạn khác		9.251	9.251
X. Tài sản cố định		648.564	823.094
1. Tài sản cố định hữu hình	13	142.592	202.244
a. Nguyên giá		595.551	602.696
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(452.959)	(400.452)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	269.913	276.544
a. Nguyên giá		312.780	312.780
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(42.867)	(36.236)
3. Tài sản cố định vô hình	15	236.059	344.306
a. Nguyên giá		445.597	523.185
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(209.538)	(178.879)
XI. Bất động sản đầu tư	16	895.442	955.502
a. Nguyên giá		1.018.285	1.057.948
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(122.843)	(102.446)
XII. Tài sản Có khác	17	12.766.355	10.773.713
1. Các khoản phải thu		6.712.939	4.512.452
2. Các khoản lãi, phí phải thu		2.774.998	3.069.951
3. Tài sản Có khác		3.561.254	3.302.658
Trong đó: Lợi thế thương mại		85.000	94.982
4. Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(282.836)	(111.348)
TỔNG TÀI SẢN		92.605.862	104.311.276

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	18	4.386.050	5.027.470
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	10.536.234	17.399.382
1. Tiền gửi của các TCTD khác		3.703.065	4.253.611
2. Vay các TCTD khác		6.833.169	13.145.771
III. Tiền gửi của khách hàng	20	57.586.806	62.615.688
IV. Các công cụ tài chính phải sinh và nợ phải trả tài chính khác	21	51.505	163.899
V. Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-	137.000
VI. Phát hành giấy tờ có giá	22	4.218.047	3.297.331
VII. Các khoản nợ khác	23	2.227.234	2.054.257
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.362.260	1.247.205
2. Các khoản phải trả và công nợ khác		864.974	807.052
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		79.005.876	90.695.027
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII. Vốn và các quỹ			
1. Vốn của TCTD	24	11.879.878	12.035.628
a. Vốn điều lệ		11.750.000	11.750.000
b. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		608	608
c. Thặng dư vốn cổ phần		400.000	400.000
d. Cổ phiếu quỹ		(270.730)	(114.980)
2. Quỹ của TCTD	24	661.963	643.915
5. Lợi nhuận chưa phân phối	24	1.058.145	936.706
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	13.599.986	13.616.249
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		92.605.862	104.311.276

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	39	48.770.149	39.648.406
1. Cam kết bảo lãnh vay vốn		-	10.000
2. Cam kết giao dịch hối đoái		42.658.611	36.942.071
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		1.229.609	605.890
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		1.218.606	594.520
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		40.210.396	35.741.661
3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		869.142	488.373
4. Bảo lãnh khác		2.931.000	2.012.862
5. Các cam kết khác		2.311.396	195.100

Người lập

Nguyễn Hoài Thương
Kế toán viên

Người soát xét

Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

		2016	2015
	Thuyết minh	Triệu VND	Triệu VND
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	6.347.548	6.406.283
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(4.094.906)	(4.819.368)
I. Thu nhập lãi thuần	25	2.252.642	1.586.915
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	247.272	186.456
4. Chi phí hoạt động dịch vụ	26	(154.237)	(147.812)
II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	93.035	38.644
III. Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	13.492	(70.925)
IV. Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	(5.575)	(46.068)
V. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	602.609	561.362
5. Thu nhập từ hoạt động khác		1.021.400	443.322
6. Chi phí hoạt động khác		(223.768)	(161.960)
VI. Lãi thuần từ hoạt động khác	30	797.632	281.362
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		50.718	142.435
VIII. Chi phí hoạt động	31	(1.897.097)	(1.808.858)
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.907.456	684.867
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(1.743.425)	(526.835)
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		164.031	158.032
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33	(24.027)	(41.758)
XIII. Lợi nhuận sau thuế		140.004	116.274
XIV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	34	122	100

Người lập



Nguyễn Hoài Thương
Kế toán viên

Người soát xét



Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	6.642.501	7.853.507
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(3.979.851)	(5.131.140)
3. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	93.035	38.644
4. Thu thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	1.054.125	512.301
5. Chi phí khác	(272.811)	(810.668)
6. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	586.697	166.899
7. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.379.260)	(1.265.107)
8. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(27.700)	(51.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	2.716.736	1.312.557
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
9. Giảm tiền gửi và cho vay các TCTD khác	4.465.614	5.279.130
10. Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	15.975.910	(4.625.179)
12. (Tăng)/giảm các khoản cho vay khách hàng	(7.022.307)	562.273
13. Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư	(1.847.412)	(549.028)
14. (Tăng)/giảm về tài sản hoạt động khác	(2.342.840)	4.886.353
Những thay đổi về nợ hoạt động	(11.829.997)	(7.436.165)
15. (Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(641.421)	4.985.160
16. Giảm tiền gửi và vay từ các TCTD khác	(6.863.148)	(9.824.014)
17. Giảm tiền gửi của khách hàng	(5.028.883)	(2.126.348)
18. Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá	920.716	(357.669)
19. Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(137.000)	(2.751)
20. (Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(112.394)	76.882
21. Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động	32.651	(184.927)
22. Chi từ các quỹ của TCTD	(518)	(2.498)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	115.704	(570.059)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Mua sắm tài sản cố định	(19.894)	(17.388)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	215.212	6.474
3. Tiền chi mua sắm bất động sản đầu tư	(1.236)	-
4. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	40.900	-
8. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	18.023
9. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	50.718	72.260
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	285.700	79.369

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
4. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(38)	(72)
5. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	(155.750)	(419)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(155.788)	(491)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	245.616	(491.181)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	7.002.246	7.493.427
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm (thuyết minh 35)	7.247.862	7.002.246

Người lập



Nguyễn Hoài Thương
Kế toán viên

Người soát xét



Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0001/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 8 tháng 6 năm 1991 và Quyết định số 719/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 7 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Ngân hàng là 11.750.000 Triệu VND (31/12/2015: 11.750.000 Triệu VND). Ngân hàng đã phát hành 1.175 triệu cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 Việt Nam Đồng.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm linh tám (208) phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “MSB”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB AMC”)	0200124891-027 ngày 12 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB FC”)	0301516782 ngày 23 tháng 11 năm 2016 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và nguyên tắc kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MSB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MSB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của MSB là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập, trình bày và làm tròn đến hàng triệu đồng Việt Nam gần nhất ("Triệu VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được MSB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của MSB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ MSB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(iii) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ**Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNNVN, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc từ ba tháng trở lên.

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư nợ gốc trừ dự phòng cụ thể.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09") có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, MSB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại thuyết minh 3(i).

Theo Thông tư 02, MSB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(e) Chứng khoán kinh doanh**(i) Phân loại**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác, được mua với mục đích bán lại để thu lợi nhuận ngắn hạn.

(ii) Ghi nhận

MSB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày MSB trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập đối với chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 3(i).

Dự phòng giảm giá chứng khoán khác ngoài trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được trích lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh đã niêm yết tại Việt Nam, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá thị trường là giá bình quân của thị trường UpCom tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC, giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MSB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Chứng khoán đầu tư**(i) Phân loại**

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán sẵn sàng để bán. MSB phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, MSB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua. MSB ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà MSB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

(ii) Ghi nhận

MSB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày MSB nhận phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu chứng khoán này.

(iii) Đo lường**Chứng khoán vốn:**

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường với lỗ giảm giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") được xác định là giá bình quân tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung ("OTC") được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá từ ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Chứng khoán nợ:

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng giảm giá và dự phòng rủi ro tín dụng. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các trái phiếu này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 3(i).

Các khoản chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá được xác định theo giá trị thị trường của chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc giá trị thị trường không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi MSB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MSB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(v) Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng.

Ngân hàng hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014. Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàng ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC ("Thông tư 19") và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19 ("Thông tư 14"). Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan trong năm. Trong năm 2016, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể cho các trái phiếu đặc biệt phát hành trong năm 2015 theo Công văn 9924/NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2016 ("Công văn 9924"). Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng trích lập số dự phòng cụ thể cho các trái phiếu phát hành trong năm 2015 theo Công văn 9924, 20% cho các trái phiếu còn lại và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các trái phiếu đặc biệt này. Ngân hàng trích lập chi phí dự phòng này định kỳ hàng tháng. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(g) Góp vốn đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà MSB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các đơn vị nhận đầu tư mà MSB đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của MSB tại đơn vị nhận đầu tư.

Dự phòng giảm giá được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư này đã chấm dứt hoặc MSB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các khoản đầu tư này.

(h) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay được dùng ghi nhận khi quyền lợi theo theo hợp đồng của MSB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi MSB chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản cho vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), MSB tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 3(i).

(i) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ"), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự

phòng tương ứng đối với dư nợ tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, MSB phân loại nợ dựa trên dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày MSB thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với MSB mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì MSB buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi MSB tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, MSB thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và của MSB.

(iii) **Dự phòng rủi ro tín dụng chung**

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng chung cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ tại ngày 30 tháng 11 trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

(iv) **Xử lý nợ xấu**

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(v) **Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng**

Việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi MSB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(i).

(j) **Các công cụ tài chính phái sinh**

(i) **Các hợp đồng ngoại hối**

MSB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MSB.

Các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi hoặc lỗ từ hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong

suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(iii) **Các hợp đồng hoán đổi lãi suất**

Giá trị cam kết trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự như đối với các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

(k) **Hoạt động mua nợ**

(i) **Mua nợ**

Giá trị khoản mua nợ được ghi nhận là một khoản cho vay/phải thu khác theo giá mua trên hợp đồng. Khoản tiền lãi nhận được được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ khoản tiền lãi phát sinh từ trước khi MSB mua nợ được ghi giảm giá trị khoản mua nợ.

(ii) **Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ**

Các khoản nợ mua về được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó được phân loại bởi bên bán trước khi mua và được trích lập dự phòng theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(i).

(l) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

• nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
• máy móc thiết bị	5 - 20 năm
• phương tiện vận tải	6 - 30 năm
• thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
• các tài sản cố định hữu hình khác	<u>4 - 25 năm</u>

(m) **Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, MSB đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(l).

(n) Tài sản cố định vô hình**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 8 năm.

(ii) Quyền sử dụng đấtQuyền sử dụng đất có thời hạn:

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn:

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(o) Bất động sản đầu tưNguyên giá:

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao:

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn 13 - 50 năm
- Nhà cửa 3 - 21 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn do được nhận chuyển nhượng hợp pháp được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(p) Các tài sản có khác

MSB xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

MSB trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228").

Theo Thông tư 228, mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	100%

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong năm.

(q) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng khác các khoản đã nêu trong các Thuyết minh 3(d), 3(e), 3(f), 3(g), 3(i), 3(k) và 3(p) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, MSB có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(r) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua và sáp nhập một công ty khác. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của MSB trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại sẽ được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(s) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc.

(t) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(u) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho MSB từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho MSB.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho MSB trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được MSB chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(v) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm

vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(w) **Các quỹ dự trữ**

(i) **Các quỹ dự trữ của Ngân hàng**

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng ("Nghị định 57"), trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau:

	<u>Phân phối hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	<u>10% lợi nhuận sau thuế</u>	<u>25% vốn cổ phần</u>

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, ngoài hai quỹ dự trữ theo luật định nêu trên, không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) **Các quỹ dự trữ của công ty con**

Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ("MSB FC")

Theo Nghị định 57, MSB FC phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ("MSB AMC")

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ.

(x) **Ghi nhận doanh thu**

(i) **Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(i) được ghi nhận khi MSB thực thu được.

(ii) **Thu nhập từ hoạt động dịch vụ**

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) **Thu nhập từ đầu tư**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của MSB được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, MSB chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

- (y) **Chi phí lãi**
Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.
- (z) **Chi phí hoạt động dịch vụ**
Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.
- (aa) **Các khoản thanh toán cho thuế hoạt động**
Các khoản thanh toán cho thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.
- (bb) **Thuế**
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.
- (cc) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**
MSB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của MSB chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.
- (dd) **Báo cáo bộ phận**
Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của MSB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MSB là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.
- (ee) **Các bên liên quan**
Các bên được coi là bên liên quan của MSB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MSB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.
- (ff) **Các cam kết và nợ tiềm ẩn**
MSB có các cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay đối với các khoản cho vay được gia hạn. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. MSB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh các cam kết chắc chắn về các dòng tiền dự kiến trong tương lai.
- (gg) **Các công cụ tài chính**
Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của MSB, tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, MSB phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MSB xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà MSB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được MSB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được MSB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu:

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà MSB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được MSB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được MSB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà MSB nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được phát sinh chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MSB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

4. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Tiền mặt tại quỹ bằng VND	1.180.116	1.028.736
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	686.640	491.481
Vàng	1.513	8.804
	1.868.269	1.529.021

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.545.647	2.212.421

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	868.391	896.729
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	515.990	527.014
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1.784.000	1.222.500
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	886.360	834.009
Cho vay các TCTD khác		
- Cho vay bằng VND	3.300.000	7.975.760
- Cho vay bằng ngoại tệ	318.250	109.450
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác (i)	(110.295)	(109.725)
	7.562.696	11.455.737

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác như sau:

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	6.067.815	9.922.269
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	220.795	219.450
	6.288.610	10.141.719

(i) Biến động dự phòng cụ thể tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2016 <i>Triệu VND</i>	2015 <i>Triệu VND</i>
Số dư đầu năm	109.725	107.590
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	570	2.135
Số dư cuối năm	110.295	109.725

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
- Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	36.088	36.088
- Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	127.926	160.834
- Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(66.971)	(79.859)
	97.043	117.063

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
- Đã niêm yết	139.014	166.071
- Chưa niêm yết	25.000	30.851
	164.014	196.922

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	34.956.663	28.060.174
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	162.209	31.041
Các khoản trả thay khách hàng	-	105
	35.118.872	28.091.320

Phân tích dư nợ theo chất lượng như sau:

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Nhóm 1- Nợ đủ tiêu chuẩn	32.832.172	25.412.927
Nhóm 2- Nợ cần chú ý	1.456.333	1.720.279
Nhóm 3- Nợ dưới tiêu chuẩn	81.464	92.388
Nhóm 4- Nợ nghi ngờ	72.948	182.632
Nhóm 5- Nợ có khả năng mất vốn	675.955	683.094
	35.118.872	28.091.320

Phân tích dư nợ theo thời gian như sau:

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Nợ ngắn hạn	12.709.051	8.495.200
Nợ trung hạn	14.738.660	10.518.573
Nợ dài hạn	7.671.161	9.077.547
	35.118.872	28.091.320

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Cho vay các TCKT				
Doanh nghiệp Nhà nước	935.737	2,66%	344.803	1,23%
Công ty TNHH Nhà nước	104.628	0,30%	1.373.477	4,89%
Công ty TNHH Tư nhân	6.633.482	18,89%	5.183.842	18,45%
Công ty cổ phần Nhà nước	29.392	0,08%	726.416	2,59%
Công ty cổ phần khác	16.174.024	46,06%	12.602.605	44,86%
Doanh nghiệp tư nhân	204.252	0,58%	217.183	0,77%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	163.455	0,47%	65.591	0,23%
Cho vay cá nhân				
Hộ kinh doanh, cá nhân	10.873.902	30,96%	7.577.403	26,98%
	35.118.872	100,00%	28.091.320	100,00%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	15.391	0,04%	44.638	0,16%
Khai khoáng	340.126	0,97%	407.903	1,46%
Chế biến thủy hải sản	245.046	0,70%	210.799	0,75%
Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi	740.660	2,11%	888.817	3,17%
Dệt may, sản xuất da giày, sản xuất trang phục	154.952	0,44%	118.124	0,42%
Khai thác và sơ chế gỗ, chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm từ gỗ và lâm sản khác	118.265	0,34%	118.303	0,42%
Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy và in ấn	66.888	0,19%	64.357	0,23%
Sản xuất thuốc, hoá dược, dược liệu; cao su, nhựa, phân bón, hoá chất	279.739	0,80%	204.275	0,73%
Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ thép, Inox, sơn, matit và các chất tương tự)	63.351	0,18%	44.658	0,16%
Sản xuất thép thành phẩm	92.549	0,26%	41	0,00%
Sản xuất phôi thép	15.504	0,04%	27.808	0,10%
Sản xuất Inox và luyện kim khác	248.953	0,71%	354.799	1,26%
Cơ khí, lắp ráp, chế tạo máy móc, ô tô, xe máy	123.139	0,35%	118.156	0,42%
Sản xuất điện tử, thiết bị điện, máy vi tính quang học, thiết bị viễn thông	370.910	1,06%	260.113	0,93%
Đóng tàu, thuyền	192.070	0,55%	380.606	1,35%
Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ gia dụng, thiết bị y tế, giáo dục, thể dục thể thao	2.265	0,01%	1.697	0,01%
Sản xuất và phân phối điện, năng lượng	40.193	0,11%	73.272	0,26%
Xây dựng	1.762.137	5,02%	1.063.861	3,79%

Thương mại hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng	1.959.592	5,58%	1.096.056	3,90%
Kinh doanh phân bón, hóa chất, các sản phẩm hóa chất khác, thuốc, hóa dược, dược liệu, thiết bị y tế	101.317	0,29%	121.746	0,43%
Thương mại xăng, dầu, gas, khí đốt	292.955	0,83%	213.469	0,76%
Kinh doanh sắt thép, xi măng, vật liệu xây dựng tổng hợp khác	526.385	1,50%	486.949	1,73%
Thương mại hàng công nghiệp nặng khác	373.533	1,06%	263.528	0,94%
Kinh doanh vận tải bộ và đường sông	189.348	0,54%	275.578	0,98%
Kinh doanh vận tải biển	974.041	2,77%	2.197.277	7,82%
Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí	157.749	0,45%	317.184	1,13%
Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng	11.756.914	33,48%	9.795.579	34,87%
Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông	488.576	1,39%	106.022	0,38%
Dịch vụ công nghệ, khoa học công nghệ, dịch vụ hành chính, hỗ trợ; giáo dục y tế; Thông tin và truyền thông khác.	276.284	0,79%	197.368	0,70%
Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ	125.452	0,36%	167.313	0,60%
Hoạt động tài chính và chứng khoán	535.759	1,53%	342.698	1,22%
Cho vay hộ kinh doanh, cá nhân	10.873.902	30,96%	7.577.403	26,97%
Ngành khác	1.614.927	4,59%	550.923	1,97%
	35.118.872	100,00%	28.091.320	100,00%

9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng các khoản cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2016	31/12/2015
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng chung (i)	238.137	153.397
Dự phòng cụ thể (ii)	213.887	447.755
	452.024	601.152

(i) Biến động dự phòng chung của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	153.397	184.511
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng chung trong năm (Thuyết minh 32)	84.740	(59.368)
Tăng do sáp nhập MDB	-	23.790
Tăng do mua lại MSB FC	-	1.099
Tăng khác	-	3.365
Số dư cuối năm	238.137	153.397

(ii) **Biến động dự phòng cụ thể của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:**

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	447.755	358.407
Trích lập dự phòng cụ thể trong năm (Thuyết minh 32)	399.841	387.460
Tăng do sáp nhập MDB	-	24.819
Tăng do mua lại MSB FC	-	5.799
Sử dụng dự phòng trong năm	(520.154)	(278.743)
Ảnh hưởng của việc bán các khoản cho vay trong năm	(113.555)	(209.410)
Tăng khác	-	159.423
Số dư cuối năm	213.887	447.755

10. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Mua nợ bằng VND	9.150	10.071
Mua nợ bằng ngoại tệ	35.466	39.792
Dự phòng rủi ro	(723)	(5.898)
	43.893	43.965

Giá trị nợ gốc và lãi của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nợ gốc đã mua	44.616	49.863

Phân tích dư nợ theo chất lượng như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nhóm 1- Nợ đủ tiêu chuẩn	-	39.793
Nhóm 2- Nợ cần chú ý	35.466	-
Mua nợ của công ty con	9.150	10.070
	44.616	49.863

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Chứng khoán nợ do Chính phủ và các Cơ quan thuộc Chính phủ phát hành	13.464.246	23.858.073
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	2.750.000	3.120.000
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	6.291.341	9.085.729
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	2.008.364	2.982.769
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	45.002	45.502
	24.558.953	39.092.073
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(93.328)	(207.515)
	24.465.625	38.884.558

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ		
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	8.873.669	9.982.950
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác	-	300.600
	8.873.669	10.283.550
Dự phòng rủi ro trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (ii)	(837.440)	(264.517)
Dự phòng rủi ro chứng khoán khác (iii)	-	(2.250)
	8.036.229	10.016.783
	32.501.854	48.901.341

(i) Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	28.431	108.155
Dự phòng chung chứng khoán sẵn sàng để bán	64.897	99.360
	93.328	207.515

(ii) Biến động dự phòng Trái phiếu đặc biệt phát hành bởi VAMC trong năm như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	264.517	101.242
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	1.097.767	252.625
Số dự phòng trích lập từ nguồn khác	-	85.992
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng	(524.844)	(180.192)
Tăng do sáp nhập MDB	-	4.850
Số dư cuối năm	837.440	264.517

(iii) Biến động dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác trong năm như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	2.250	-
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	(2.250)	2.250
Số dư cuối năm	-	2.250

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	9.251	9.251

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND</i>	<i>Máy móc thiết bị Triệu VND</i>	<i>Phương tiện vận tải Triệu VND</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND</i>	<i>Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND</i>	<i>Tổng cộng Triệu VND</i>
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 1/1/2016	41.202	372.605	100.775	87.203	911	602.696
Tăng trong năm	77	9.697	-	181	-	9.955
Thanh lý trong năm	(1.480)	(67)	(11.422)	(3.081)	(74)	(16.124)
Giảm khác trong năm	-	11	(907)	(80)	-	(976)
Số dư tại ngày 31/12/2016	39.799	382.246	88.446	84.223	837	595.551
Hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 1/1/2016	15.798	257.849	55.807	70.281	717	400.452
Khấu hao trong năm	976	48.391	8.587	7.027	103	65.084
Thanh lý trong năm	(242)	(54)	(8.391)	(2.849)	(66)	(11.602)
Tăng/(giảm) khác trong năm	-	14	(907)	(82)	-	(975)
Số dư tại ngày 31/12/2016	16.532	306.200	55.096	74.377	754	452.959
Giá trị còn lại						
Số dư tại ngày 1/1/2016	25.404	114.756	44.968	16.922	194	202.244
Số dư tại ngày 31/12/2016	23.267	76.046	33.350	9.846	83	142.592

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 189.461 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 119.901 triệu VND).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	312.780	312.780
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	36.236	29.605
Khấu hao trong năm	6.631	6.631
Số dư cuối năm	42.867	36.236
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	276.544	283.175
Số dư cuối năm	269.913	276.544

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1/1/2016	230.975	290.298	1.912	523.185
Tăng trong năm	-	9.936	-	9.936
Thanh lý trong năm	(87.524)	-	-	(87.524)
Số dư tại ngày 31/12/2016	143.451	300.234	1.912	445.597
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1/1/2016	5.619	172.573	687	178.879
Khấu hao trong năm	1.166	29.047	446	30.659
Số dư tại ngày 31/12/2016	6.785	201.620	1.133	209.538
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1/1/2016	225.356	117.725	1.225	344.306
Số dư tại ngày 31/12/2016	136.666	98.614	779	236.059

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 79.690 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 76.663 Triệu VND).

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Nhà và quyền sử dụng đất</i>	
	<i>2016</i>	<i>2015</i>
	<i>Triệu VND</i>	<i>Triệu VND</i>
Nguyên giá:		
Số dư đầu năm	1.057.948	1.057.948
Tăng trong năm	1.236	-
Thanh lý, nhượng bán	(40.899)	-
Số dư cuối năm	1.018.285	1.057.948
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	102.446	80.656
Khấu hao trong năm	21.701	21.790
Thanh lý, nhượng bán	(1.304)	-
Số dư cuối năm	122.843	102.446
Giá trị còn lại:		
Số dư đầu năm	955.502	977.292
Số dư cuối năm	895.442	955.502

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	<i>31/12/2016</i>	<i>31/12/2015</i>
	<i>Triệu VND</i>	<i>Triệu VND</i>
Các khoản phải thu		
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho đối tác	3.137.940	1.356.763
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ khác	541.178	541.178
Đặt cọc thuê văn phòng	619.523	648.127
Các khoản tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	385.609	344.428
Phải thu từ các hợp đồng tài trợ thương mại	267.365	36.539
Tạm ứng cho các hoạt động xử lý tài sản xiết nợ	141.371	66.267
Phải thu từ bán khoản ủy thác	531.200	531.200
Phải thu từ mua bán chứng khoán	493.070	493.070
Các khoản tạm ứng và phải thu khác	374.726	333.048
Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định	171.715	112.272
Các khoản phải thu ngân sách Nhà nước	49.242	49.560
	6.712.939	4.512.452
Các khoản lãi và phí phải thu	2.774.998	3.069.951

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Tài sản Có khác		
Vật liệu và công cụ	26.654	24.110
Chi phí chờ phân bổ	536.061	574.040
Tài sản nhận gán nợ	2.911.678	2.601.444
Ủy thác đầu tư	1.861	7.780
Tài sản có khác	-	302
Lợi thế thương mại	85.000	94.982
	3.561.254	3.302.658
Dự phòng rủi ro các tài sản Có khác	(282.836)	(111.348)
	12.766.355	10.773.713

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	4.353.765	4.990.657
Vay thực hiện Dự án hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán	32.285	36.813
	4.386.050	5.027.470

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	161.738	168.244
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	88.216	189.519
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1.702.550	1.732.800
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.750.561	2.163.048
	3.703.065	4.253.611
Tiền vay		
Tiền vay bằng VND	5.131.221	10.892.870
Tiền vay bằng ngoại tệ	1.701.948	2.252.901
	6.833.169	13.145.771
	10.536.234	17.399.382

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	9.059.789	9.608.943
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.531.454	1.984.326
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	45.182.728	48.672.182
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.465.306	2.027.266
Tiền gửi vốn chuyên dụng		
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	74.168	75.340
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	39.937	14.694
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	225.779	215.582
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	7.645	17.355
	57.586.806	62.615.688

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tổ chức kinh tế	13.630.527	22.838.839
Cá nhân	43.651.374	39.515.390
Đối tượng khác	304.905	261.459
	57.586.806	62.615.688

21. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHẢI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/(NỢ PHẢI TRẢ) TÀI CHÍNH KHÁC

	<i>Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)</i>		<i>Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)</i>	
	<i>Triệu VND</i>	<i>Tài sản Triệu VND</i>	<i>Nợ phải trả Triệu VND</i>	<i>Giá trị thuần Triệu VND</i>
Tại ngày 31/12/2016				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	807.623	-	(18.264)	(18.264)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	19.608.004	-	(33.241)	(33.241)
	20.415.627	-	(51.505)	(51.505)
Tại ngày 31/12/2015				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1.949.795	20.232	-	20.232
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	17.279.724	-	(184.131)	(184.131)
	19.229.519	20.232	(184.131)	(163.899)

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	<i>31/12/2016 Triệu VND</i>	<i>31/12/2015 Triệu VND</i>
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	1.080.716	-
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	297.331	297.331
Trái phiếu		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	840.000	500.000
Từ 5 năm trở lên	2.000.000	2.500.000
	4.218.047	3.297.331

23. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả	1.362.260	1.247.205
Các khoản phải trả và nợ khác	864.974	807.052
- Thuế và các khoản phải trả cho ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 38)	9.024	6.944
- Cổ tức phải trả	4.286	4.324
- Phải trả cán bộ công nhân viên	148.660	115.481
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành	46.356	48.919
- Các khoản chờ thanh toán	109.580	135.481
- Doanh thu chờ phân bổ	157.367	58.545
- Phải trả từ các hợp đồng bán nợ	1.692	24.836
- Các khoản phải trả khác	388.010	412.522
	2.227.234	2.054.257

24. VỐN VÀ CÁC QUỸ**Báo cáo thay đổi vốn và các quỹ**

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của Ngân hàng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Cổ phiếu quỹ Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ đầu tư xây dựng cơ bản Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	8.000.000	400.000	(114.512)	3.290	411.377	75.242	607	669.679	9.445.683
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	116.274	116.274
Hoàn quỹ trong năm	-	-	-	-	(229)	(115)	-	344	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(419)	-	-	-	-	-	(419)
Tăng do sáp nhập MDB	3.750.000	-	(49)	107	104.019	52.722	1	150.445	4.057.245
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(2.498)	-	-	-	(2.498)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(36)	(36)
Số dư tại ngày 31/12/2015	11.750.000	400.000	(114.980)	3.397	512.669	127.849	608	936.706	13.616.249
Số dư tại ngày 1/1/2016	11.750.000	400.000	(114.980)	3.397	512.669	127.849	608	936.706	13.616.249
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	140.004	140.004
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(155.750)	-	-	-	-	-	(155.750)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	12.366	6.199	-	(18.565)	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(517)	-	-	-	(517)
Biến động khác	-	-	-	9.561	(9.561)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	11.750.000	400.000	(270.730)	12.958	514.957	134.048	608	1.058.145	13.599.986

Vốn cổ phần

	31/12/2016		31/12/2015	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.175.000.000	11.750.000	1.175.000.000	11.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
- Cổ phiếu phổ thông	1.175.000.000	11.750.000	1.175.000.000	11.750.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại				
- Cổ phiếu phổ thông	30.529.628	270.730	13.029.628	114.980
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				
- Cổ phiếu phổ thông	1.144.470.372	11.479.270	1.161.970.372	11.635.020

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

25. THU NHẬP LÃI THUẦN

	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
Tiền gửi tại các TCTD khác	55.022	467.796
Cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác	3.223.485	2.636.384
Các khoản đầu tư chứng khoán nợ	2.866.896	3.047.866
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	32.009	25.094
Các hoạt động tín dụng khác	170.136	229.143
	6.347.548	6.406.283
Chi phí lãi và các chi phí tương tự cho		
Các khoản tiền gửi	(3.151.113)	(3.019.088)
Các khoản tiền vay	(493.446)	(716.508)
Phát hành giấy tờ có giá	(319.100)	(288.693)
Các hoạt động tín dụng khác	(131.247)	(795.079)
	(4.094.906)	(4.819.368)
Thu nhập lãi thuần	2.252.642	1.586.915

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2016 <i>Triệu VND</i>	2015 <i>Triệu VND</i>
<i>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>		
Dịch vụ thanh toán	212.197	169.440
Dịch vụ ngân quỹ	2.476	864
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	10.739	3.147
Dịch vụ khác	21.860	13.005
	247.272	186.456
<i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i>		
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(100.763)	(83.859)
Dịch vụ khác	(53.474)	(63.953)
	(154.237)	(147.812)
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	93.035	38.644

27. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2016 <i>Triệu VND</i>	2015 <i>Triệu VND</i>
<i>Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng</i>		
Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	163.307	150.187
Thu nhập từ kinh doanh vàng	536	143
Thu nhập từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	583.420	1.078.171
	747.263	1.228.501
<i>Chi phí từ kinh doanh ngoại hối và vàng</i>		
Chi phí từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(53.853)	(364.337)
Chi phí về kinh doanh vàng	(86)	(476)
Chi phí từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(679.832)	(934.613)
	(733.771)	(1.299.426)
	13.492	(70.925)

28. LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2016 <i>Triệu VND</i>	2015 <i>Triệu VND</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	1.606
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(14.383)	(7.509)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	8.808	(40.165)
	(5.575)	(46.068)

29. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	663.736	514.170
Chi về mua bán chứng khoán đầu tư	(167.663)	(242.724)
Biến động dự phòng chứng khoán sẵn sàng để bán		
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá (Thuyết minh 11)	69.823	277.322
- Hoàn nhập dự phòng chung (Thuyết minh 11)	34.463	32.314
- Trích lập dự phòng cụ thể	-	(17.470)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng chung chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11)	2.250	(2.250)
	602.609	561.362

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác		
- Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	586.697	166.899
- Thu từ cho thuê và quản lý văn phòng	84.616	87.332
- Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	42.521	8.468
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, bất động sản	213.127	6.497
- Thu nhập khác	94.439	174.126
	1.021.400	443.322
Chi phí hoạt động khác		
- Chi phí từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	(93.435)	(6.017)
- Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	(60.165)	(70.526)
- Chi phí khác	(70.168)	(85.417)
	(223.768)	(161.960)
	797.632	281.362

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	35.931	33.094
Chi phí cho nhân viên		
- Chi phí lương và phụ cấp	717.768	699.446
- Các khoản chi đóng góp theo lương	45.686	37.804
- Chi trợ cấp (ăn ca, trang phục, y tế...)	35.036	32.244
- Chi khác	14.848	7.193
Chi phí về tài sản		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.374	125.740
- Chi sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định	71.553	114.260
- Chi thuê tài sản cố định	174.315	176.878
- Chi mua sắm công cụ lao động	21.237	16.013
- Chi bảo hiểm tài sản	12.152	3.267
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
- Công tác phí	57.079	47.966
- Chi quảng cáo, khuyến mại	80.579	39.892
- Chi thuê chuyên gia, tư vấn	216.283	204.249
- Chi hoạt động quản lý công vụ khác	245.161	211.587
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	60.328	55.082
Chi phí dự phòng không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (Thuyết minh 17)	6.767	4.143
	1.897.097	1.808.858

32. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Trích lập dự phòng cụ thể tiền gửi và cho vay các TCTD khác	6	570	2.135
Biến động dự phòng cho vay khách hàng			
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng chung	9	84.740	(59.368)
- Trích lập dự phòng cụ thể	9	399.841	387.460
Biến động dự phòng mua bán nợ			
- Hoàn nhập dự phòng chung	10	(675)	(20.750)
- Hoàn nhập dự phòng cụ thể	10	(3.538)	(3.418)
Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	11	1.097.767	252.625
Biến động dự phòng rủi ro cho số tiền chưa thu được của nợ đã bán			
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng chung	17	22.754	(7.371)
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cụ thể	17	141.966	(19.856)
Hoàn nhập dự phòng chung cho cam kết ngoại bảng		-	(4.622)
		1.743.425	526.835

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	24.027	41.758

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	164.031	158.032
Điều chỉnh cho các khoản		
- Thu nhập không chịu thuế	(64.968)	(72.307)
- Chi phí không được khấu trừ thuế	15.854	626
- Lợi nhuận trước thuế của MDB khi sáp nhập	-	(191.834)
- Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	9.975	7
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	124.892	(105.476)
- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	118.286	-
- Lãi từ hoạt động kinh doanh của công ty con	6.943	396
- Lỗ từ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng	(337)	(105.872)
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.392	87
Chi phí thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản	23.657	-
Kết chuyển lỗ năm trước	(1.022)	(525)
Chi phí thuế TNDN của MDB	-	42.196
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	24.027	41.758

(c) Thuế suất áp dụng

MSB có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận tính thuế (2015: 22%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2016 <i>Triệu VND</i>	2015 <i>Triệu VND</i>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	140.004	116.274

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016 <i>Cổ phiếu</i>	2015 <i>Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.161.970.372	1.162.012.298
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm	(9.801.913)	(20.523)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	1.152.168.459	1.161.991.775

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016 <i>Triệu VND</i>	2015 <i>Triệu VND</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	122	100

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.868.269	1.529.021
Tiền gửi tại NHNNVN	1.545.647	2.212.421
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	1.384.381	1.423.743
Tiền gửi tại các TCTD với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	2.449.565	1.837.061
	7.247.862	7.002.246

36. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, MSB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của MSB.

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số dư</i>	
	31/12/2016 <i>Triệu VND</i>	31/12/2015 <i>Triệu VND</i>
	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam ("VNPT") – Cổ đông lớn		
- Tiền gửi thanh toán	(1.725)	(611.059)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
- Tiền gửi	(17.465)	(36.766)
- Tiền vay	16.823	4.713

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giao dịch	
	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
	Doanh thu/(Chi phí)	Doanh thu/(Chi phí)
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam ("VNPT") – Cổ đông lớn		
- Chi phí lãi tiền gửi	(38.936)	(36.353)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
- Thù lao	(67.046)	(60.483)
- Chi phí lãi tiền gửi	(2.099)	-
- Thu nhập từ phí dịch vụ	57	-
- Thu nhập lãi tiền vay	2.911	-

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2016	2015
	Triệu VND	Triệu VND
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	3.619	3.268
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương	684.568	591.345
2. Phụ cấp và thu nhập khác	2.541	2.772
Tổng thu nhập	687.109	594.117
Tiền lương bình quân tháng	15,76	15,08
Thu nhập bình quân tháng	15,82	15,15

38. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	1/1/2016	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu Ngân sách Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.560	(318)	-	49.242
Phải trả Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	3.246	60.341	(58.744)	4.843
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	28.273	(27.700)	573
Các loại thuế khác	3.698	56.313	(56.403)	3.608
	6.944	144.927	(142.847)	9.024

39. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	31/12/2016 Triệu VND			31/12/2015 Triệu VND		
	<i>Giá trị theo hợp đồng - góp</i>	<i>Tiền gửi ký quỹ</i>	<i>Giá trị theo hợp đồng - thuần</i>	<i>Giá trị theo hợp đồng - góp</i>	<i>Tiền gửi ký quỹ</i>	<i>Giá trị theo hợp đồng - thuần</i>
Bảo lãnh vay vốn	-	-	-	10.000	-	10.000
Cam kết giao dịch hối đoái						
Trong đó:						
- Cam kết mua ngoại tệ	1.229.609	-	1.229.609	605.890	-	605.890
- Cam kết bán ngoại tệ	1.218.606	-	1.218.606	594.520	-	594.520
- Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	40.210.396	-	40.210.396	35.741.661	-	35.741.661
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	901.357	(32.215)	869.142	517.222	(28.849)	488.373
Bảo lãnh và các cam kết khác	<u>5.349.176</u>	<u>(106.780)</u>	<u>5.242.396</u>	<u>2.333.435</u>	<u>(125.473)</u>	<u>2.207.962</u>
	48.909.144	(138.995)	48.770.149	39.802.728	(154.322)	39.648.406

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

MSB theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính như sau:

	<i>Miền Bắc Triệu VND</i>	<i>Miền Trung Triệu VND</i>	<i>Miền Nam Triệu VND</i>	<i>Tổng cộng Triệu VND</i>
Tại ngày 31/12/2016				
Tài sản	76.469.850	1.388.220	14.747.792	92.605.862
Nợ phải trả	63.228.342	1.355.594	14.421.940	79.005.876
Tài sản cố định – thuần	504.597	32.483	111.484	648.564
Năm 2016				
Doanh thu	8.868.223	265.192	1.818.713	10.952.128
Chi phí	(8.526.090)	(427.450)	(1.834.557)	(10.788.097)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	<u>342.133</u>	<u>(162.258)</u>	<u>(15.844)</u>	<u>164.031</u>

41. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MSB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MSB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(i) Chính sách quản lý rủi ro

Định hướng của MSB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp MSB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi MSB kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tín cậy khác nhau. Bên cạnh đó, MSB cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MSB đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của MSB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi tại NHNN. Trong những trường hợp cần thiết, rủi ro thanh khoản còn được hạn chế thông qua việc sử dụng các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MSB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung. Theo đó, toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của MSB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép MSB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Để quản trị hiệu quả các rủi ro này, MSB đã ban hành các quy định về thẩm định và phê duyệt tín dụng bao gồm đầy đủ các văn bản, quy định, quy trình, hướng dẫn về hoạt động tín dụng từ khâu phân tích thị trường, lựa chọn danh mục khách hàng tiềm năng, phát triển/thẩm định khách hàng, phân tích phương án kinh doanh đến phê duyệt và quản lý khoản tín dụng sau phê duyệt. Đặc biệt, MSB đã áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với tất cả các đối tượng khách hàng. Từ đó, MSB kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc thiết lập và kiểm soát hệ thống hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà MSB có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Công tác thẩm định, định giá tài sản bảo đảm tiếp tục được hoàn thiện với việc xây dựng, ban hành, định kỳ cập nhật chính sách khung tài sản bảo đảm quy định cơ sở, phương pháp định giá và quản lý tài sản bảo đảm thống nhất toàn hệ thống. Hoạt động tác nghiệp về tài sản bảo đảm được thực hiện bảo đảm tính độc lập, có cơ chế giám sát, quản lý và kiểm soát chất lượng định giá đối với công tác định giá, phù hợp với yêu cầu kinh doanh của MSB.

Công tác giám sát tín dụng được triển khai và báo cáo thường xuyên theo quy định của NHNN cũng như quy định nội bộ nhằm cung cấp một cách kịp thời, chính xác về tình hình hoạt động tín dụng và đánh giá mức độ tập trung rủi ro tín dụng cũng như đưa ra các cảnh báo sớm kèm theo chế tài phù hợp đối với những phát sinh bất thường trong hoạt động tín dụng.

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá trị của MSB bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228 và Thông tư 89.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày dưới đây:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91-180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181-360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Cho vay khách hàng	132.863	6.378	23.609	424.851	587.701
Mua nợ	35.466	-	-	-	35.466
	168.329	6.378	23.609	424.851	623.167

Chi tiết về các tài sản đảm bảo MSB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Bất động sản	22.769.864	28.911.040
Động sản	5.076.840	10.335.020
Giấy tờ có giá	15.289.493	19.159.232
Các tài sản đảm bảo khác	40.414.140	15.077.269
	83.550.337	73.482.561

Giá trị của tài sản đảm bảo được định giá hàng năm hoặc tại thời điểm cho vay theo ước tính của MSB và người đi vay.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MSB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MSB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

MSB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MSB. Ngoài ra, MSB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MSB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những cảnh báo rủi ro kịp thời. MSB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phân quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MSB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Đơn vị: Triệu VND)

	<i>Quá hạn</i> <i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Quá hạn</i> <i>Trên 3 tháng</i>	<i>Đến 1 tháng</i>	<i>Từ 1-3 tháng</i>	<i>Từ 3-12 tháng</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
TÀI SẢN								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.868.269	-	-	-	-	1.868.269
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.545.647	-	-	-	-	1.545.647
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	-	220.795	3.931.446	236.620	3.284.130	-	-	7.672.991
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	164.014	-	-	-	-	164.014
Cho vay khách hàng – gộp	2.180.483	830.367	1.726.496	4.564.077	9.850.463	10.984.592	4.982.394	35.118.872
Hoạt động mua nợ – gộp	35.466	-	-	-	-	9.150	-	44.616
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	2.135.428	172.771	324.732	23.650.371	7.149.320	33.432.622
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	9.251	9.251
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	648.564	648.564
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	895.442	-	895.442
Tài sản Có khác - gộp	3.299	101.339	157.190	1.592.483	937.703	2.665.115	7.592.062	13.049.191
	2.219.248	1.152.501	11.528.490	6.565.951	14.397.028	38.204.670	20.381.591	94.449.479
NỢ PHẢI TRẢ								
Nợ phải trả NHNN và Chính phủ	-	-	4.353.765	-	-	32.285	-	4.386.050
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	7.942.007	2.522.757	71.470	-	-	10.536.234
Tiền gửi của khách hàng	-	-	21.067.453	11.957.881	21.894.628	2.666.810	34	57.586.806
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(13.729)	64.918	316	-	-	51.505
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	159.431	1.168.818	889.798	2.000.000	4.218.047
Các khoản nợ khác	-	-	1.402.196	301.642	468.685	54.708	3	2.227.234
	-	-	34.751.692	15.006.629	23.603.917	3.643.601	2.000.037	79.005.876
Mức chênh lệch khoản ròng	2.219.248	1.152.501	(23.223.202)	(8.440.678)	(9.206.889)	34.561.069	18.381.554	15.443.603

(iv) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của MSB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ cụ thể.

MSB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng, đánh giá mức độ tác động của lãi suất tới thu nhập MSB dựa trên các kịch bản giả định về biến động của lãi suất. Ngoài ra, MSB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MSB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những cảnh báo rủi ro kịp thời. MSB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phân quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MSB được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Đơn vị: Triệu VND)									
	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1–3 tháng	Từ 3–6 tháng	Từ 6–12 tháng	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN									
Tiền mặt và vàng	-	1.868.269	-	-	-	-	-	-	1.868.269
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.545.647	-	-	-	-	-	1.545.647
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	220.795	-	3.931.446	236.620	284.130	3.000.000	-	-	7.672.991
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	164.014	-	-	-	-	-	-	164.014
Cho vay khách hàng – gộp	3.010.850	-	24.745.084	2.501.202	1.380.621	1.525.980	342.435	1.612.700	35.118.872
Hoạt động mua nợ - gộp	35.466	9.150	-	-	-	-	-	-	44.616
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	10.927.035	490.020	3.672.771	1.404.776	3.950.000	8.600.700	4.387.320	33.432.622
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	9.251	-	-	-	-	-	-	9.251
Tài sản cố định	-	648.564	-	-	-	-	-	-	648.564
Bất động sản đầu tư	-	895.442	-	-	-	-	-	-	895.442
Tài sản có khác – gộp	104.638	12.413.353	-	-	-	-	531.200	-	13.049.191
	3.371.749	26.935.078	30.712.197	6.410.593	3.069.527	8.475.980	9.474.335	6.000.020	94.449.479
NỢ PHẢI TRẢ									
Nợ phải trả NHNN và Chính phủ	-	-	4.353.765	-	-	-	32.285	-	4.386.050
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	7.942.013	2.522.751	50.136	21.334	-	-	10.536.234
Tiền gửi của khách hàng	-	697.181	21.067.423	11.957.880	9.741.450	12.117.843	2.004.995	34	57.586.806
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(13.729)	64.918	(6.351)	6.667	-	-	51.505
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	159.432	1.080.716	2.088.101	889.798	-	4.218.047
Các khoản nợ khác	-	2.227.234	-	-	-	-	-	-	2.227.234
	-	2.924.415	33.349.472	14.704.981	10.865.951	14.233.945	2.927.078	34	79.005.876
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	3.371.749	24.010.663	(2.637.275)	(8.294.388)	(7.796.424)	(5.757.965)	6.547.257	5.999.986	15.443.603

Bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của MSB với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Loại tiền tệ	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế cho năm kết thúc ngày	
	Mức tăng lãi suất 31/12/2016	31/12/2016 Triệu VND
VND	1,00%	(110.451)
USD	0,25%	(2.583)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MSB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của MSB cũng là Đồng Việt Nam. Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có (“Ủy ban ALCO”) của MSB được thành lập có chức năng quản trị rủi ro thanh khoản, quản trị rủi ro thị trường, quản trị rủi ro hoạt động của MSB. Các Ban chuyên môn của Ủy ban ALCO có trách nhiệm xây dựng và quản lý chính sách, mô hình đo lường, công cụ phòng ngừa rủi ro trong hoạt động mình đảm nhiệm để đề xuất lên Ủy ban ALCO quyết định nhằm duy trì, phát triển năng lực cạnh tranh, hiệu quả và bảo đảm khả năng thanh khoản của MSB.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Đơn vị: Triệu VND)

	USD	EUR	Tiền tệ khác và vàng	Tổng cộng
TÀI SẢN				
Tiền mặt và vàng	348.461	108.022	231.670	688.153
Tiền gửi tại NHNN	223.336	-	-	223.336
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	1.577.428	98.523	44.649	1.720.600
Cho vay khách hàng – gộp	2.313.560	-	-	2.313.560
Hoạt động mua nợ - gộp	35.466	-	-	35.466
Tài sản có khác – gộp	303.471	4.808	21	308.300
	4.801.722	211.353	276.340	5.289.415
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả NHNN và Chính phủ	32.285	-	-	32.285
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.516.486	15.913	2.759	3.535.158
Tiền gửi của khách hàng	2.865.463	149.183	35.262	3.049.908
Các công cụ tài chính phái sinh	(1.784.317)	122.089	209.539	(1.452.689)
Các khoản nợ khác	73.325	216	6.842	80.383
	4.703.242	287.401	254.402	5.245.045
Trạng thái tiền tệ nội bảng	98.480	(76.048)	21.938	44.370

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới lợi nhuận sau thuế của MSB trong trường hợp:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Loại tiền tệ	VND tăng giá 1% so với USD và EUR	VND giảm giá 1% so với USD và EUR
	Triệu VND	Triệu VND
USD	(788)	788
EUR	608	(608)
	(180)	180

42. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu thuyết minh về giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của MSB trong các trường hợp có thể xác định được:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Triệu VND
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH							
Tiền mặt và vàng	1.868.269	-	-	-	-	1.868.269	1.868.269
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.545.647	-	-	1.545.647	1.545.647
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	-	-	7.672.991	-	-	7.672.991	(*)
Chứng khoán kinh doanh – gộp	164.014	-	-	-	-	164.014	(*)
Cho vay khách hàng – gộp	-	-	35.118.872	-	-	35.118.872	(*)
Hoạt động mua nợ – gộp	-	-	44.616	-	-	44.616	(*)
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	8.873.669	-	24.558.953	-	33.432.622	(*)
Góp vốn đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	9.251	-	9.251	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	12.765.822	-	-	12.765.822	(*)
	2.032.283	8.873.669	57.147.948	24.568.204	-	92.622.104	
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH							
Nợ phải trả NHNN và Chính phủ	-	-	-	-	4.386.050	4.386.050	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	10.536.234	10.536.234	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	57.586.806	57.586.806	(*)
Các công cụ tài chính phải sinh	51.505	-	-	-	-	51.505	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	4.218.047	4.218.047	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	2.011.922	2.011.922	(*)
	51.505	-	-	-	78.739.059	78.790.564	

(*) MSB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

43. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được MSB áp dụng:

Loại tiền tệ	Tỷ giá ngày	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
USD	22.159,00	21.890,00
EUR	23.939,00	24.580,00
GBP	28.110,00	33.358,00
CHF	22.356,00	22.767,00
JPY	194,89	179,74
SGD	15.751,00	15.914,00
CAD	16.950,00	16.222,00
AUD	16.405,00	16.409,00

Người lập



Nguyễn Hoài Thương
Kế toán viên

Người soát xét



Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Huỳnh Bửu Quang
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN (Sở hữu từ 5% trở lên)

Mã	Họ tên	CMT-ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Tổng số CP	% cổ phần	Thành tiền	Tên người đại diện
CDPN1	Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	0100684378	8/17/2010	KH-ĐT Hà Nội	71.577.141	6,09	715.771.410.000	Lê Thị Liên

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH/PGD NĂM 2015





**25 NĂM
ĐỒNG TÂM - VỮNG TIẾN**